

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

NGUYỄN QUỐC BẢO

**CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ THEO
PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN HUYỆN BÙ ĐĂNG,
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

NGUYỄN QUỐC BẢO

**CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHỆ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ THEO PHÁP
LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN HUYỆN BÙ ĐĂNG,
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Chuyên ngành : Luật hình sự và Tổ tụng hình sự

Mã số : 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
PGS.TS HỒ SỸ SƠN**

HÀ NỘI - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, tài liệu trong Luận văn là trung thực. Kết quả Luận văn chưa được công bố ở các công trình nào khác.

Học viên

Nguyễn Quốc Bảo

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU:	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ	7
1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò và ý nghĩa của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự	7
1.2. Các yếu tố bảo đảm hiệu quả của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự	13
1.3. Khái quát lập pháp hình sự Việt Nam về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên khi ban hành Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành	15
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC	19
2.1. Thực trạng quy định các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự hiện hành	19
2.2. Thực tiễn áp dụng quy định của Bộ luật hiện hành về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên địa bàn huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	49
CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ CÁC GIẢI PHÁP KHÁC ĐẢM BẢO ÁP DỤNG HIỆU QUẢ CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN	65
3.1. Nhu cầu, phương hướng hoàn thiện pháp luật đảm bảo hiệu quả áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự	65
3.2. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự	66
3.3. Các giải pháp khác nhằm đảm bảo tính hiệu quả áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự	71

KẾT LUẬN74

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO76

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

- BLHS : Bộ luật hình sự
- BLTTHS : Bộ luật tố tụng hình sự
- HĐTP TANDTC : Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao
- TAND : Tòa án nhân dân
- TANDTC : Tòa án nhân dân tối cao
- TNHS : Trách nhiệm hình sự
- VKSND : Viện kiểm sát nhân dân
- VKSNDTC : Viện kiểm sát nhân dân tối cao

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
2.1	Bảng số liệu án hình sự xét xử trong các năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015 và 2016	54
2.2	Bảng tổng hợp thực tiễn áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.	55
2.3	Bảng tổng hợp thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự	58

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xét xử đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không làm oan người vô tội và cũng không bỏ lọt hành vi của người phạm tội là mục tiêu, yêu cầu quan trọng hàng đầu trong việc giải quyết các vụ án hình sự của Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án hình sự nếu định tội là tiền đề, là cơ sở cho việc quyết định hình phạt, thì quyết định hình phạt là kết quả cuối cùng của hoạt động xét xử. Quyết định hình phạt một cách chính xác có ý nghĩa rất quan trọng đối với hoạt động xét xử của Tòa án. Việc quyết định áp dụng một hình phạt đúng, chính xác không những đảm bảo sự công bằng, hợp lý, minh bạch trong thực thi pháp luật, nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm mà còn có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Với tính chất quan trọng và đặc thù khi xét xử vụ án hình sự, việc quyết định hình phạt đạt được tiêu chí chính xác, đúng pháp luật thì bên cạnh cơ sở xem xét dấu hiệu định tội danh, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân người phạm tội; các tình tiết tăng nặng TNHS,... còn cần phải đánh giá đúng mức các tình tiết giảm nhẹ TNHS, đảm bảo nguyên tắc cá thể hóa hình phạt trong áp dụng pháp luật.

Những tình tiết giảm nhẹ TNHS là những tình tiết trong vụ án cụ thể đối với người phạm tội, làm cho tội phạm thay đổi mức độ nguy hiểm nhẹ hơn trong vụ án cụ thể đó.

Pháp luật hình sự Việt Nam từ khi được xây dựng, kế thừa và hiện hành đều quy định tình tiết giảm nhẹ TNHS, tuy nhiên, thực tiễn xét xử vẫn còn nhiều vấn đề đang mâu thuẫn, chưa đầy đủ, vướng mắc dẫn đến việc áp dụng còn thiếu sự nhất quán, đồng bộ, không thống nhất, việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS còn tùy tiện, không công bằng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Cho đến nay, nước ta vẫn còn ít và thiếu những công trình chuyên khảo nghiên cứu một cách toàn diện và hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Với những lý do đó, học viên chọn đề tài: *“Các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo pháp*

luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước” làm đề tài nghiên cứu trong luận văn Thạc sĩ Luật học, nhằm làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận cũng như thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Qua đó, học viên đề xuất một số kiến nghị, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS khi quyết định hình phạt.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Khi nói đến các tình tiết giảm nhẹ TNHS là thể hiện chính sách hình sự nhân đạo của Nhà nước, tuy nhiên bởi hàng rào ngôn ngữ cho nên không phải tình tiết nào cũng được ghi nhận một cách rõ ràng, phù hợp để áp dụng vào thực tiễn, dẫn đến nhiều trường hợp áp dụng tùy tiện, dễ bị lợi dụng, gây bức xúc lớn trong xã hội. Vì vậy, đây là đề tài có tính mới, tính cấp thiết và thực tiễn cao. Qua tham khảo ở một số cơ sở nghiên cứu và đào tạo luật ở nước ta như Học viện khoa học xã hội - Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, trường Đại học luật Hà Nội, trường Đại học luật thành phố Hồ Chí Minh có rất nhiều đề tài nghiên cứu đã ít nhiều đề cập đến những vấn đề lý luận, nội dung và thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong luật hình sự, chẳng hạn như:

- Luận án tiến sĩ của Trần Thị Quang Vinh (năm 2002, *các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam*).
- Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999 phần chung của thạc sĩ Đinh Văn Quế (nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh 2006).
- Giáo trình luật hình sự của Đại học luật Hà Nội do Giáo sư tiến sĩ Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên (Nhà xuất bản công an nhân dân 2005).
- Giáo trình luật hình sự của Đại học luật thành phố Hồ Chí Minh do tiến sĩ Trần Thị Quang Vinh chủ biên (Nhà xuất bản Hồng Đức - Hội Luật gia 2012).
- Luận văn thạc sĩ của Trần Thị Túc (2013) Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điều 46 Bộ luật hình sự Việt Nam, Đại học luật thành phố Hồ Chí Minh.

- Luận văn thạc sĩ của Võ Hoàng Vĩnh (2015) Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Khoa học xã hội.

Bên cạnh đó còn có rất nhiều bài viết, bình luận trên tạp chí TANDTC với các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự Việt Nam như:

- Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự Việt Nam của Bùi Kiến Quốc (tạp chí luật học số 6 năm 2000).

- Bàn về một số ý kiến về hướng dẫn áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 của Nguyễn Văn Hào (Tạp chí Tòa án nhân dân số 13/2004).

- Những hạn chế trong các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hướng khắc phục của Hồ Sỹ Sơn (Tạp chí Tòa án nhân dân số 16/2008).

- Bàn về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự của Thủy Nguyên (Tạp chí Tòa án số 23 tháng 12 – 2007).

- Một số vấn đề về tình tiết giảm nhẹ “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng của thạc sĩ Đinh Văn Quế (Tạp chí Tòa án nhân dân số 9 tháng 5 năm 2009).

- Phòng vệ chính đáng, vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng và những vướng mắc trong thực tiễn xét xử của thạc sĩ Đinh Văn Quế (Tạp chí Tòa án nhân dân số 17 tháng 9/2009).

Về mặt lý luận, nhìn chung các công trình, bài viết trên đã phân tích khá chi tiết, phản ánh nội dung của các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định của BLHS. Tuy nhiên, qua nghiên cứu trao đổi và thực tiễn áp dụng vào công tác xét xử thì nổi lên một số vấn đề còn tranh luận nhiều và quyết liệt, chưa thống nhất, việc áp dụng pháp luật còn chưa đồng bộ, thiếu tính thuyết phục. Việc tiếp tục nghiên cứu đề tài này là cần thiết nhằm cố gắng hoàn thiện hơn về cơ sở lý luận thông qua quá trình nghiên cứu, tổng hợp từ thực tiễn tại địa bàn huyện Bù Đăng, tỉnh Bình

Phước, nhằm tìm hiểu và đưa ra một số kiến nghị và các giải pháp cho việc hoàn thiện pháp luật hình sự về các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo pháp luật hình sự Việt Nam.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn

Nghiên cứu vấn đề lý luận và pháp luật hình sự quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS, thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS trên địa bàn huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Luận văn đề xuất một số kiến nghị, giải pháp nhằm đảm bảo áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ TNHS khi quyết định hình phạt của TAND ở nước ta hiện nay.

Để đạt được mục đích như trên, đề tài luận văn tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phân tích những vấn đề về lý luận của các tình tiết giảm nhẹ TNHS.
- Phân tích nội dung các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại Điều 46 BLHS năm 1999. Đánh giá thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS trên địa bàn huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
- Đề xuất các kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự và các giải pháp khác đảm bảo áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ TNHS khi quyết định hình phạt của TAND địa phương.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

Luận văn lấy các quan điểm khoa học, các quy định của pháp luật hình sự nước ta, thực tiễn xét xử của TAND huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2016 để nghiên cứu các vấn đề thuộc nội dung nghiên cứu của đề tài.

Đề tài luận văn được nghiên cứu dưới góc độ chuyên ngành Luật hình sự và Tố tụng hình sự. Luận văn nghiên cứu các tình tiết giảm nhẹ chung được quy định tại Điều 46 BLHS năm 1999.

Các số liệu thực tiễn phục vụ nghiên cứu trong phạm vi 06 năm, được tác giả luận văn thu thập từ thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình

Phước trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2016. Tác giả còn tham khảo những bản án hình sự trong thời gian trên để nghiên cứu.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận văn

Luận văn được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về nhà nước và pháp luật. Luận văn còn sử dụng trong một tổng thể các phương pháp logic lịch sử, phân tích và tổng hợp, phương pháp so sánh, phương pháp thống kê, khảo sát, đối chiếu để làm rõ nội dung, thực tiễn áp dụng quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS và từ đó có những đề xuất hoàn thiện.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Kết quả nghiên cứu của luận văn này có giá trị cho việc học tập, giảng dạy và đặc biệt đối với các nhà lập pháp hình sự sau khi nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung BLHS hiện hành. Đồng thời, luận văn cũng là nguồn cho các cán bộ đang công tác thực tiễn tham khảo và định hướng nghiên cứu cho các học viên có nhu cầu nghiên cứu tiếp theo.

Luận văn đã phân tích và làm sáng tỏ về mặt lý luận và nội dung các tình tiết giảm nhẹ TNHS, phân tích đầy đủ các chi tiết đặc điểm, vai trò và ý nghĩa của chúng đối với việc giải quyết và áp dụng trong vụ án hình sự, những vướng mắc, hạn chế trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự, nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Luận văn là nguồn tư liệu tham khảo, đối chiếu, góp phần bảo đảm thực tiễn xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, cải tạo giáo dục người phạm tội sớm trở thành người lương thiện, có ích cho gia đình, xã hội và đặc biệt là góp phần thực hiện chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, danh mục các bảng, danh mục những từ viết tắt thì luận văn gồm ba chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Chương 2: Thực trạng quy định các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành và thực tiễn áp dụng trên địa bàn huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Chương 3: Hoàn thiện pháp luật và các giải pháp khác bảo đảm áp dụng hiệu quả các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự từ thực tiễn huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ

1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò và ý nghĩa của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

1.1.1. Khái niệm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bộ luật hình sự không đưa ra khái niệm các tình tiết giảm nhẹ TNHS, nhưng trong khoa học pháp lý hình sự của nước ta có khá nhiều khái niệm về các tình tiết này. Tuy chưa có một khái niệm thống nhất, song nhìn chung đa số ý kiến cho rằng, các tình tiết giảm nhẹ TNHS là những tình tiết được quy định trong BLHS với tính chất là những tình tiết giảm nhẹ chung hoặc là các tình tiết được ghi nhận trong các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật như Nghị quyết và hướng dẫn của TANDTC hay do Tòa án xem xét cân nhắc và ghi rõ trong bản án nếu chấp nhận tình tiết đó là tình tiết giảm nhẹ. Đồng thời các tình tiết giảm nhẹ TNHS cũng là một trong những cơ sở để Hội đồng xét xử cá thể hóa TNHS và hình phạt đối với người phạm tội theo hướng giảm nhẹ hơn trong phạm vi một khung hình phạt. Tuy nhiên, phân tích kỹ quan điểm trên đây có thể thấy quan điểm này chưa làm rõ được bản chất, nội dung của các tình tiết giảm nhẹ TNHS, mà chỉ mới thể hiện được nét đặc trưng pháp lý cơ bản của chúng.

Về bản chất các tình tiết giảm nhẹ TNHS là những biểu hiện về các điều kiện, hoàn cảnh, tình huống có ảnh hưởng đến việc thực hiện tội phạm, qua đó phản ánh mức độ nguy hiểm ít hơn của hành vi phạm tội và là cơ sở để người phạm tội có thể chịu TNHS ở mức thấp hơn. Tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định trong BLHS, trong các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hoặc do Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét quyết định trong quá trình xét xử các vụ án cụ thể, phản ánh chính sách nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định trong BLHS, trong các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hoặc Hội đồng xét xử trong quá trình xét xử giải quyết

các vụ án cụ thể, phản ánh chính sách nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo Điều 46 BLHS chỉ là một dạng của các tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Từ những phân tích trên đây có thể hiểu, khái niệm các tình tiết giảm nhẹ TNHS là: tình tiết giảm nhẹ TNHS là tình tiết được quy định trong BLHS với tính chất là tình tiết giảm nhẹ chung hoặc là tình tiết được ghi nhận trong các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hoặc thông qua hoạt động xét xử mà Hội đồng xét xử, xem xét, cân nhắc và ghi rõ trong bản án, đồng thời là một trong những căn cứ để Tòa án cá thể hóa TNHS và hình phạt đối với người phạm tội theo hướng giảm nhẹ hơn trong phạm vi một khung hình phạt.

1.1.2. Đặc điểm của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Nghiên cứu các tình tiết giảm nhẹ TNHS cho thấy sự đa dạng về nội dung và có mức độ ảnh hưởng giảm nhẹ hình phạt khác nhau cho người phạm tội, đó là.

Thứ nhất: Các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định cụ thể trong BLHS (bao gồm 18 tình tiết được quy định tại khoản 1 Điều 46). Ngoài ra, nó còn được ghi nhận trong Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định về Phần chung của BLHS năm 1999). Thậm chí, trong quá trình xét xử, Tòa án có thể tự mình xem xét, cân nhắc coi những tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ TNHS và ghi rõ lý do trong bản án. Đặc điểm này có hai vấn đề cần chú ý: trước hết, những tình tiết giảm nhẹ TNHS nào được BLHS quy định với tính cách là yếu tố định tội hoặc là yếu tố định khung hình phạt đối với một tội phạm được nêu tại phần các tội phạm cụ thể thì trong quá trình xét xử, Tòa án không được xem xét nó như là tình tiết giảm nhẹ chung được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS. Nghĩa là một tình tiết giảm nhẹ cho dù biểu hiện dưới hình thức nào thì cũng không thể được áp dụng hai lần cho một trường hợp phạm tội cụ thể. Tiếp đó, việc cho phép Tòa án có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ TNHS trong từng vụ án đối với từng bị cáo cụ thể nhằm mở rộng tính linh hoạt, sáng tạo trong hoạt động xét xử của Tòa án, bảo đảm

cho hoạt động xét xử được công bằng, chính xác, khách quan. Nó giúp Tòa án tính toán được sự tương xứng giữa mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội với chế tài hình sự. Quy định “phải ghi rõ trong bản án” là nhằm tránh sự tùy tiện trong hoạt động xét xử. Pháp luật dù hoàn thiện đến đâu cũng không thể tiên liệu hết mọi tình huống của cuộc sống nên việc cho phép Tòa án xem xét các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ trong hoạt động xét xử là hợp lý và cần thiết.

Tuy nhiên, vấn đề này cũng có tính hai mặt của nó. Trên thực tiễn, không ít trường hợp Tòa án đưa ra những tình tiết giảm nhẹ TNHS không thật sự thuyết phục. Vì vậy, câu hỏi đặt ra là làm thế nào để hạn chế sự tùy tiện của hội đồng xét xử. Điều đó chỉ có thể trả lời bằng đạo đức, lương tâm, năng lực, trình độ chuyên môn của những người làm công tác xét xử; vai trò của Tòa án cấp trên; sự giám sát của cơ quan dân cử và của các thiết chế xã hội khác.

Thứ hai: Các tình tiết giảm nhẹ TNHS là căn cứ để Tòa án cân nhắc, xem xét việc áp dụng hình phạt theo hướng nhẹ hơn đối với người phạm tội, nó phản ánh các diễn biến bên ngoài của mặt khách quan cũng như diễn biến tâm lý bên trong của mặt chủ quan trong cấu thành tội phạm hoặc phản ánh yếu tố nhân thân người phạm tội, góp phần mô tả tội phạm, giúp chúng ta hình dung được mức độ nguy hiểm ít hơn của hành vi phạm tội nếu đặt nó trong sự so sánh với trường hợp phạm tội tương tự mà không có tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Thứ ba: Các tình tiết giảm nhẹ TNHS ảnh hưởng như thế nào đến việc quyết định hình phạt là do Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét. Sự hiện diện của tình tiết giảm nhẹ TNHS là căn cứ để Tòa án đánh giá, xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, coi đó là một trong những căn cứ để quyết định hình phạt. Pháp luật không quy định cụ thể sự hiện diện của tình tiết giảm nhẹ sẽ ảnh hưởng như thế nào đến việc quyết định hình phạt, sự hiện hữu của tình tiết nào thì được giảm TNHS đến đâu, điều đó phụ thuộc vào sự xem xét và cân nhắc của Hội đồng xét xử.

Thứ tư: Các tình tiết giảm nhẹ TNHS rất phong phú, không xác định về mặt số lượng. Chúng ta có thể xác định được các tình tiết được quy định trong khoản 1

Điều 46 BLHS và các tình tiết được quy định tại điểm c, mục 5 Nghị quyết số 01/2000/NQ - HĐTP. Ngoài các tình tiết nói trên thì trong quá trình xét xử từng vụ án cụ thể, Tòa án còn có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ (khoản 2 Điều 46 BLHS).

Thứ năm: Sự ảnh hưởng của từng tình tiết đến mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội không giống nhau. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS khá phong phú về mặt số lượng và ảnh hưởng của chúng đối với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội là khác nhau và do đó, mức độ ảnh hưởng của chúng đến việc quyết định hình phạt là không giống nhau. Có tình tiết thì ảnh hưởng rất lớn đến việc quyết định hình phạt và đối với mọi trường hợp phạm tội, nhưng có tình tiết thì ảnh hưởng ít hơn. Có tình tiết chỉ có ý nghĩa đáng kể với một số tội phạm, còn đối với những tội phạm khác thì chỉ có ý nghĩa rất hạn chế.

Như vậy, có thể rút gọn đặc điểm của các tình tiết giảm nhẹ TNHS là liên quan đến việc giải quyết TNHS. Có ý nghĩa làm giảm mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, phản ánh khả năng cải tạo giáo dục, tính nhân đạo đối với người phạm tội đáng được khoan hồng.

1.1.3. Vai trò của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Theo quy định tại Điều 45 BLHS thì khi quyết định hình phạt, Tòa án không chỉ căn cứ vào các quyết định của BLHS, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội mà còn phải căn cứ vào các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ TNHS. Pháp luật hình sự không quyết định cụ thể mức độ ảnh hưởng của tình tiết giảm nhẹ đối với việc quyết định hình phạt. Do đó, Tòa án có vai trò quan trọng trong việc đánh giá, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ TNHS và mức độ ảnh hưởng cho việc quyết định hình phạt, làm sao thể hiện được tính hợp lý, tính thuyết phục khi quyết định chế tài hình sự đối với người phạm tội. Rõ ràng các tình tiết giảm nhẹ TNHS là căn cứ để giảm hình phạt trong giới hạn một khung hình phạt đã được xác định. Giá trị giảm nhẹ của các tình tiết giảm nhẹ TNHS không chỉ thuần túy giảm nhẹ hình phạt trong phạm vi khung hình phạt mà còn làm căn cứ để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc

chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn. Về nội dung phản ánh các tình tiết của vụ án phải thể hiện hành vi phạm tội có tính nguy hiểm ở mức thấp nhất trong cấu thành tội phạm đang được áp dụng. Tình tiết giảm nhẹ càng làm cho tính nguy hiểm của tội phạm giảm đi so với các trường hợp phạm tội thông thường. Còn về số lượng tình tiết giảm nhẹ thì phải có ít nhất từ hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS, những tình tiết này chưa được sử dụng để định tội và định khung hình phạt.

Như vậy vai trò của các tình tiết giảm nhẹ TNHS là nhân tố (yếu tố) thực hiện nội dung tinh thần nhân đạo, khoan hồng của chính sách hình sự của Nhà nước về tội phạm và TNHS của tội phạm.

1.1.4. Ý nghĩa của tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đây là một sự tiến bộ về khoa học pháp lý cả từ lý luận thực tiễn áp dụng, việc quyết định các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong BLHS trước hết có ý nghĩa chính trị - xã hội quan trọng, thể hiện rõ nét chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta trong việc thực hiện chính sách hình sự. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS có ý nghĩa hết sức quan trọng, đã được ghi nhận tại Điều 3 BLHS thể hiện những nội dung chính cơ bản đó là: Chính sách hình sự của Nhà nước là chính sách xử lý tội phạm trên cơ sở nghiêm trị kết hợp với khoan hồng. Nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố, chống đối, lưu manh, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội, người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp. Khoan hồng đối với những người tự thú, thành khẩn khai báo, tố giác người đồng phạm, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra [19].

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS còn có ý nghĩa pháp lý to lớn, việc quyết định các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong pháp luật hình sự đã tạo cơ sở pháp lý để thực hiện phân hóa và cá thể hóa TNHS, đây là cơ sở pháp lý cần thiết cho việc vận dụng biện pháp khoan hồng của Nhà nước trong vấn đề xử lý tội phạm, cải tạo, giáo dục người phạm tội, thể hiện tính linh động trong quá trình vận dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS, đồng thời thể hiện sự bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa. Bởi vậy, Tòa án

phải áp dụng những tình tiết giảm nhẹ để quyết định mức hình phạt tương xứng và thuyết phục với người phạm tội đã thực hiện hành vi phạm tội.

Các tình tiết phản ánh hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội đáng được khoan hồng, giảm nhẹ TNHS còn có ý nghĩa chuẩn bị tâm lý cảm hóa người phạm tội và khuyến khích người phạm tội tự nhận biết hành vi nguy hiểm của mình gây ra cho xã hội mà có tính tự giác cao trong quá trình cải tạo, lập công chuộc tội, một lòng hướng thiện, từ đó tạo được hiệu quả của việc áp dụng hình phạt hình sự, hạn chế tác hại của tội phạm, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm có chiều hướng tích cực hơn. Chính ý nghĩa quan trọng này đã đặt ra nhu cầu phải nâng cao hiệu quả áp dụng về các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong công tác xét xử hình sự của ngành Tòa án.

1.2. Các yếu tố bảo đảm hiệu quả của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Để bảo đảm hiệu quả của các tình tiết giảm nhẹ TNHS đòi hỏi tính hợp pháp và tính thống nhất của văn bản dưới luật là vấn đề lớn, đòi hỏi sự quan tâm, nỗ lực tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của từng cơ quan cũng như sự phối hợp đồng bộ từ cơ quan xây dựng, soạn thảo, thẩm định ban hành cho đến cơ quan kiểm tra, giám sát, rà soát văn bản quy phạm pháp luật và áp dụng pháp luật.

Hoàn thiện quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật về các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo hướng nâng cao hiệu quả bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Việc nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật ở giai đoạn xây dựng, ban hành văn bản sẽ giúp tránh khỏi những quy định không phù hợp mâu thuẫn, chồng chéo.

Trong quá trình áp dụng các quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS phát sinh một số vấn đề cần phải giải thích để đảm bảo thống nhất trong việc áp dụng pháp luật đó là: giải thích nội dung và điều kiện áp dụng một số tình tiết giảm nhẹ trong luật định chưa có sự thống nhất trong nhận thức; giải thích một số vấn đề liên quan đến việc áp dụng Điều 47 BLHS; giải thích về áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với người phạm tội. Việc giải thích luật kịp thời và đầy đủ sẽ tháo gỡ

được những vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật. Nếu giải thích không kịp thời sẽ dẫn đến tình trạng vận dụng tùy tiện, không đảm bảo được sự thống nhất.

Trong thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS đã hình thành cơ chế phối hợp giữa các cơ quan áp dụng pháp luật. Quan hệ phối hợp, chế ước đó thường được thể hiện bằng các Quy chế. Tuy nhiên, sự phối hợp đó nhiều khi còn chưa đồng bộ và thống nhất nên phần nào làm giảm hiệu quả áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS, nên cần phải có giải pháp để hoàn thiện.

Thực tế chứng minh, hiệu quả của hoạt động áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS của Toà án phụ thuộc vào nhiều điều kiện, yếu tố, những nguyên nhân chủ quan, khách quan khác nhau, có thể trực tiếp hoặc gián tiếp. Một trong những yếu tố vô cùng quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng áp dụng pháp luật của Toà án nhân dân đó là chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức Ngành Toà án mà trước hết là trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, năng lực, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân là những người trực tiếp được giao nhiệm vụ xét xử, nhân danh Nhà nước để bảo vệ pháp luật. Họ cần phải có những tố chất nghề nghiệp nhất định, họ vừa là người thay mặt cho quyền lực nhà nước thông qua hoạt động xét xử, vừa phải là công dân gương mẫu trong cuộc sống hàng ngày. Với vị trí và trách nhiệm xã hội đặc biệt của mình, đòi hỏi cần có quy định cụ thể những tiêu chuẩn nhất định phù hợp từng thời kỳ phát triển của xã hội về trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, đạo đức nghề nghiệp,... của đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân.

Tâm lý xã hội (trong đó có dư luận xã hội) tác động trực tiếp đến ý thức pháp luật của con người. Thông qua dư luận xã hội, con người sẽ ý thức được đâu là hành vi vi phạm pháp luật cần lên án hoặc đâu là những hành vi hợp pháp cần được khích lệ, cổ vũ, động viên. Chẳng hạn, những vụ vi phạm pháp luật hình sự đặc biệt nghiêm trọng như giết người dã man, xâm hại an ninh quốc gia,... đã gây xôn xao dư luận trong xã hội, khiến cho dư luận xã hội hết sức căm phẫn, đòi trừng phạt nghiêm khắc kẻ phạm tội. Trên cơ sở của dư luận xã hội, cá nhân sẽ tự điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội, với chuẩn mực pháp

luật. Trải qua một thời gian nhất định, các cá nhân sẽ tự cảm nhận được những điều nên làm và không nên làm, điều đó cho thấy dư luận xã hội có ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển ý thức pháp luật của cá nhân. Nó tác động tới tình cảm pháp luật của con người, góp phần định hướng cho sự hình thành tình cảm pháp luật của mỗi công dân. Tác động tới tâm trạng của con người trước pháp luật cả theo hướng tích cực lẫn tiêu cực. Tác động đến sự tự đánh giá, tự điều chỉnh hành vi ứng xử của mỗi cá nhân trong phạm vi điều chỉnh của các quy phạm pháp luật hiện hành.

Để tạo môi trường pháp lý lành mạnh, các văn bản quy phạm pháp luật phải bảo đảm đầy đủ, có chất lượng, được công khai, minh bạch. Thực thi pháp luật là trách nhiệm của cơ quan áp dụng pháp luật. Trong phạm vi chức năng của mình, các cơ quan áp dụng pháp luật có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa; bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của Nhân dân; bảo vệ tài sản của Nhà nước, tập thể; bảo vệ tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân, góp phần bảo đảm cho Hiến pháp và pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Theo tinh thần của Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, nước ta đang tiến hành kiện toàn các thiết chế thi hành pháp luật như nâng cao năng lực xét xử cho Tòa án; xây dựng và hoàn thiện pháp luật hỗ trợ tư pháp theo hướng đáp ứng ngày càng đầy đủ, thuận lợi các nhu cầu đa dạng về hỗ trợ pháp lý của Nhân dân, doanh nghiệp, thực hiện xã hội hóa mạnh mẽ các hoạt động hỗ trợ tư pháp; đưa chức năng công tố trở thành chức năng chính của Viện kiểm sát, ...

Điều kiện cơ sở vật chất của TAND, điều kiện làm việc và chế độ đãi ngộ đối với cán bộ ngành Tòa án có ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Cơ sở vật chất phục vụ xét xử bao gồm: Trụ sở làm việc, phòng xét xử, phòng nghị án, các phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác xét xử, các tài liệu tham khảo, tài liệu tra cứu,... có những ảnh hưởng nhất định đến việc nâng cao chất lượng xét xử của TAND. Điều kiện cơ sở vật chất được trang bị đầy đủ, hiện đại thì sẽ góp phần trực tiếp vào việc thể hiện sự trang nghiêm của cơ quan công quyền; đội ngũ cán bộ Tòa án có đủ phương tiện làm việc thì việc xét xử sẽ

đảm bảo chất lượng hơn, họ sẽ tập trung vào công việc mà không bị chi phối bởi sự khó khăn về điều kiện, phương tiện làm việc.

1.3. Khái quát lập pháp hình sự Việt Nam về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi ban hành Bộ luật hình sự hiện hành.

Quá trình hình thành và phát triển pháp luật hình sự Việt Nam trải qua nhiều giai đoạn lịch sử.

Bộ luật hình sự năm 1985 lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam đã có một điều luật riêng quy định những tình tiết giảm nhẹ TNHS được áp dụng chung cho tất cả các loại tội phạm. Điều 38 BLHS năm 1985 với tên gọi là các tình tiết giảm nhẹ, gồm có: Người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm hoặc tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại; Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, vượt quá yêu cầu của tình thế cần thiết hoặc bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra; Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không do mình tự gây ra; Phạm tội mà chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Phạm tội vì bị người khác đe dọa, cưỡng bức hoặc chi phối về mặt vật chất, công tác hay các mặt khác; Người phạm tội là phụ nữ có thai, là người già hoặc là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình; Phạm tội do trình độ lạc hậu hoặc do trình độ nghiệp vụ non kém; Người phạm tội tự thú, thật thà khai báo, ăn năn hối cải hoặc tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm. Điều 38 BLHS năm 1985 nói riêng và BLHS năm 1985 nói chung được xây dựng trên cơ sở kinh tế xã hội của nền kinh tế bao cấp và trên cơ sở thực tiễn của tình hình tội phạm của thời kỳ đó. Do vậy, có thể nói ngay khi ra đời BLHS năm 1985 đã ở trong tình trạng không phù hợp với chủ trương đổi mới cũng như những đòi hỏi của đổi mới. Quy định chưa được chặt chẽ nên không đảm bảo cho việc áp dụng hình phạt được thống nhất, chính xác, không tránh được sự tùy tiện khi áp dụng, không góp phần thực hiện nguyên tắc phân hóa TNHS ngay trong luật.

Những thiếu sót của BLHS năm 1985: tình trạng nhận thức sai và áp dụng các hình phạt nhẹ hơn mức cần thiết đối với người phạm tội; Số lượng, nội dung tình tiết giảm nhẹ có nhiều điểm trong cùng một nhóm nên khi áp dụng cho người phạm tội họ không được hưởng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ; Không khuyến khích người phạm tội lập công chuộc tội, chủ động khắc phục hậu quả và thể hiện thái độ của Nhà nước ta tôn trọng quá khứ của người phạm tội đồng thời cũng không gián tiếp khuyến khích mọi người tích cực lập thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập và công tác; Bên cạnh đó, có tình tiết giảm nhẹ đối với người phạm tội do trình độ nghiệp vụ non kém nó không khuyến khích người kém năng lực chuyên môn tham gia hoạt động quản lý, việc xác định trình độ nghiệp vụ như thế nào là non kém thường rất phức tạp, xảy ra tình trạng nhiều Tòa án lạm dụng tình tiết này để giảm nhẹ TNHS và hình phạt cho người phạm tội một cách không đúng đắn, chủ yếu do động cơ tư lợi. Vì chưa có quy định rõ ràng, nên thực tiễn xét xử, các Tòa án đã áp dụng không thống nhất. Có Tòa án không coi các tình tiết giảm nhẹ đã được BLHS năm 1985 quy định là yếu tố định tội hoặc định khung hình phạt là tình tiết giảm nhẹ trong khi quyết định hình phạt nữa, nhưng có Tòa án cũng coi là tình tiết giảm nhẹ, tức là đối với tình tiết giảm nhẹ thì không hạn chế được áp dụng hai lần.

Kế thừa cách quy định của BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 quy định các tình tiết giảm nhẹ TNHS tại Điều 46 với tên gọi là các tình tiết giảm nhẹ TNHS, sự thay đổi tên gọi này so với BLHS năm 1985 đã phản ánh chính xác hơn về tính chất và giá trị giảm nhẹ của các tình tiết này. Ngoài sự thay đổi tên gọi, quy định về tình tiết giảm nhẹ TNHS của BLHS năm 1999 có một số khác biệt so với quy định của BLHS năm 1985. Bộ luật hình sự năm 1999 quy định thêm tình tiết “người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác” là tình tiết giảm nhẹ. Tình tiết này là xuất phát từ thực tiễn xét xử đặt ra các Tòa án thường áp dụng tại khoản 2 Điều 38 BLHS năm 1985 để coi người phạm tội có tình tiết trên là tình tiết giảm nhẹ, nên BLHS năm 1999 chính thức quy định trong điều luật.

Qua nghiên cứu, quá trình hình thành và hoàn thiện chế định các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong pháp luật hình sự Việt Nam, chúng ta nhận thấy rằng, quy định các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong pháp luật hình sự là một trong những căn cứ để quyết định hình phạt. Quá trình phát triển các quy định các tình tiết giảm nhẹ TNHS là một quá trình phát triển có tính kế thừa và chọn lọc.

Kết luận chương 1

Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 không đưa ra một khái niệm riêng về tình tiết giảm nhẹ TNHS. Trong khoa học pháp lý lẫn trong thực tiễn áp dụng pháp luật vẫn còn nhiều quan điểm và nhận thức khác nhau về khái niệm các tình tiết giảm nhẹ TNHS, tuy nhiên nhìn chung thì về nội hàm thì các khái niệm đều có quan điểm tương đồng, liên quan đến việc giải quyết TNHS. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS tuy không làm thay đổi tính chất của tội phạm nhưng nó là những tình tiết làm giảm mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội trong một cấu thành tội phạm cụ thể. Nó làm thay đổi mức độ phải chịu TNHS của người phạm tội theo hướng ít nghiêm trọng hơn. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại Điều 46 BLHS cho thấy sự đa dạng về nội dung và mức độ ảnh hưởng giảm nhẹ hình phạt khác nhau. Có những tình tiết làm giảm bớt mức độ nguy hiểm của tội phạm và người phạm tội, có tình tiết thể hiện khả năng cải tạo của người phạm tội, có những tình tiết phản ánh hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội. Trong việc thực hiện chính sách hình sự thì các tình tiết giảm nhẹ TNHS có vai trò rất quan trọng, nó thể hiện thành một trong những nguyên tắc xử lý cơ bản của BLHS. Luật không quy định cụ thể các tình tiết giảm nhẹ TNHS có ảnh hưởng đến mức độ nào đối với việc quyết định hình phạt. Ý nghĩa của từng tình tiết giảm nhẹ tùy thuộc vào từng tội phạm cụ thể, vào từng người phạm tội cụ thể. Vai trò của các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong việc quyết định hình phạt được thể hiện thông qua hai khía cạnh đặc trưng đó là căn cứ để giảm hình phạt trong giới hạn của khung hình phạt và căn cứ để quyết định hình phạt dưới mức tối thiểu của khung hình phạt. Việc quy định các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong BLHS là thể hiện những yếu tố có ảnh hưởng đến

mức độ của tội phạm về TNHS chứ không làm thay đổi tính chất của tội phạm. Ghi nhận một bước tiến trong việc chú trọng xây dựng pháp luật hình sự của Nhà nước ta, vừa thể hiện xu thế hội nhập tiếp thu có chọn lọc pháp luật hình sự của các nước có nền tư pháp phát triển.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC.

2.1. Thực trạng quy định các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự hiện hành.

2.1.1. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Về tình tiết “*Người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm*” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46 BLHS.

Như ta đã biết tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã gây ra hoặc đe dọa gây ra cho những quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ. Nếu người phạm tội lại ngăn chặn, làm giảm bớt sự thiệt hại đó, tức là họ đã làm cho mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội giảm bớt.

Ngăn chặn tác hại của tội phạm là khi tội phạm đang trong quá trình thực hiện hoặc sau khi đã được thực hiện và người phạm tội tự mình hoặc có sự tác động của khách quan nên đã bằng những khả năng có thể để ngăn chặn không cho tác hại của tội phạm xảy ra. Còn làm giảm bớt tác hại của tội phạm là khi tội phạm đã được thực hiện, tác hại của tội phạm đang xảy ra và người phạm tội tự mình hoặc có sự tác động khách quan nên đã bằng những khả năng có thể để không cho tác hại của tội phạm xảy ra lớn hơn.

Hành động ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại có thể do người phạm tội tự làm, cũng có thể do người khác khuyên bảo hoặc bắt làm. Mức độ làm giảm nhẹ TNHS sẽ phụ thuộc vào thái độ của người phạm tội đối với việc ngăn chặn, làm giảm bớt thiệt hại. Nếu họ tự hành động sẽ được giảm nhẹ TNHS hơn các trường hợp phải nhờ người khác khuyên bảo hoặc bắt buộc. Hành động ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại phải thực tế đã xảy ra thì mới coi là tình tiết giảm nhẹ. Trong thực tiễn, tình tiết này thể hiện ở việc người phạm tội đã có những hành vi, biện pháp cụ thể hạn chế tác

hại do hành vi phạm tội của mình gây ra. Hành động của người phạm tội phải thực sự ngăn chặn được hoặc làm giảm bớt được tác hại thì mới được coi là tình tiết giảm nhẹ TNHS. Nếu họ có hành động nhưng không hiệu quả thì không được giảm nhẹ theo tình tiết này.

Điều luật chỉ quy định đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại chứ không quy định đã ngăn chặn, làm giảm bớt thiệt hại. Do đó cần phải phân biệt: Thiệt hại và tác hại không phải bao giờ cũng như nhau; có sự tác hại là thiệt hại, nhưng có sự tác hại không phải là thiệt hại. Vì vậy, khi xác định tình tiết giảm nhẹ này, cần xem xét cả hành vi đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm mà tác hại đó không phải là thiệt hại.

Trong vụ án có đồng phạm, nếu người đồng phạm ngăn chặn, khuyên bảo hoặc có hành động ngăn cản mà người thực hiện tội phạm nghe theo thì cả hai đều được áp dụng tình tiết này, nếu hành vi can ngăn, khuyên bảo hoặc có hành động ngăn cản, mặc dù người thực hiện tội phạm không nghe, nhưng hành vi can ngăn, khuyên bảo hoặc có hành vi ngăn cản có tác dụng làm cho tác hại được giảm bớt thì người có hành vi can ngăn, khuyên bảo hoặc có hành động ngăn cản đó được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS này.

Mức độ giảm nhẹ TNHS của tình tiết này không chỉ phụ thuộc vào thái độ của người phạm tội đối với việc ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại mà còn phụ thuộc vào mức độ tác hại mà người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt.

- Về tình tiết *“Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả”* quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS.

Đây là trường hợp tội phạm đã gây ra thiệt hại, gây ra hậu quả. Người phạm tội tự nguyện và bằng nhiều cách đền bù, sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do tội phạm gây ra. Cũng được coi là tự nguyện nếu do người khác tác động (khuyên bảo) hay theo yêu cầu của người bị thiệt hại mà người phạm tội sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả trước khi Tòa án xét xử.

Bộ luật hình sự năm 1985 không quy định trường hợp khắc phục hậu quả, nên thực tiễn xét xử có những trường hợp người phạm tội không gây ra thiệt hại

hoặc thiệt hại đó không thể sửa chữa hoặc bồi thường bằng vật chất được, nhưng người phạm tội rất tích cực khắc phục hậu quả. Đây là tình tiết đáng được khoan hồng, giảm nhẹ TNHS cho người phạm tội, nhưng đó không phải là tình tiết tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại. Từ thực tiễn xét xử này, BLHS năm 1999 quy định thêm trường hợp khắc phục hậu quả là tình tiết giảm nhẹ TNHS là hoàn toàn phù hợp.

Sửa chữa, bồi thường và khắc phục là ba khái niệm có nội dung khác nhau nên có thể nói điểm b, khoản 1, Điều 46 quy định tới 3 tình tiết giảm nhẹ chứ không phải là một tình tiết giảm nhẹ, nhưng tính chất của các tình tiết này gần giống nhau về bản chất nên được quy định trong cùng một điểm.

Sửa chữa là sửa lại những cái bị làm hư hỏng, trong thực tế có một số trường hợp chúng ta lầm tưởng là sửa chữa nhưng thực tế là không phải [12, tr. 135]. Ví dụ: Sau khi gây tai nạn giao thông làm cho người bị hại bị thương nặng ở chân, thấy nạn nhân bị gãy chân, nên đã băng bó rồi thuê xe chở đi bệnh viện cấp cứu. Hành động này thuộc trường hợp đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại chứ không phải sửa chữa thiệt hại.

Bồi thường là bồi thường bằng tài sản cho những thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Chỉ bồi thường được những thiệt hại về vật chất chứ không thể bồi thường được những thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm [12, tr. 135 - 136], vì vậy đối với những trường hợp này việc người phạm tội đã đưa cho người bị hại hoặc đại diện bị hại một khoản tiền thì có thể coi là tự nguyện khắc phục hậu quả [8].

Khắc phục hậu quả là khắc phục tác hại của tội phạm gây ra mà không thể sửa chữa hoặc bồi thường bằng tài sản được. Nếu người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả đó thì được coi là tình tiết giảm nhẹ. Tuy nhiên việc khắc phục hậu quả không phải bắt buộc phải khắc phục toàn bộ hậu quả đó mới được áp dụng tình tiết giảm nhẹ mà người phạm tội có thể khắc phục được một phần hoặc nhiều phần cũng có thể coi là tình tiết giảm nhẹ, khắc phục càng nhiều thì được xem xét giảm nhẹ nhiều hơn.

Người phạm tội sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả phải tự nguyện, nếu do tác động của người khác hoặc cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, người phạm tội mới sửa chữa, bồi thường hay khắc phục hậu quả thì không được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS này khi quyết định hình phạt.

Tuy nhiên theo hướng dẫn của Nghị quyết 01/2006/NQ – HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn một số quy định của BLHS, thì ngoài việc chính bị cáo tự nguyện thực hiện việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả bằng tài sản của mình, cũng được áp dụng tình tiết *“Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả”*, cụ thể như sau:

- Bị cáo là người từ đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 15 tuổi khi phạm tội và cha, mẹ của họ đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

- Bị cáo là người từ đủ 15 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi khi phạm tội và cha, mẹ của họ đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nếu bị cáo không có tài sản.

- Bị cáo không có tài sản để bồi thường nhưng đã tích cực tác động, đề nghị cha, mẹ hoặc người khác sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và những người này đã thực hiện việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

- Bị cáo không có trách nhiệm sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra. Ví dụ: Việc bồi thường thiệt hại thuộc trách nhiệm của chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ, thuộc trách nhiệm của cha, mẹ... nhưng đã tự nguyện dùng tiền, tài sản của mình để sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả hoặc tích cực tác động đề nghị cha, mẹ hoặc người khác sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Như vậy, đối với người chưa thành niên phạm tội thì người đại diện hợp pháp của người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu

quả sẽ được coi là tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội.

Điều luật không quy định mức độ sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả là bao nhiêu, toàn bộ hay một phần. Nhưng qua thực tiễn xét xử, Tòa án vẫn coi trường hợp người phạm tội chỉ sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả một phần là tình tiết giảm nhẹ. Tất nhiên mức sửa chữa bồi thường hoặc khắc phục phải chiếm một tỉ lệ đáng kể so với toàn bộ thiệt hại mà họ đã gây ra. Nếu thiệt hại mà người phạm tội đã gây ra so với khả năng kinh tế của họ không đáng kể thì nói chung mức sửa chữa, bồi thường hoặc khắc phục phải toàn bộ. Khi xét mức sửa chữa, bồi thường hoặc khắc phục phải căn cứ vào thiệt hại đã xảy ra so với khả năng kinh tế trước mắt và lâu dài của người phạm tội.

Mức độ giảm nhẹ TNHS của tình tiết này hoàn toàn phụ thuộc vào sự tự nguyện và mức sửa chữa, bồi thường, khắc phục hậu quả của người phạm tội đối với thiệt hại mà họ đã gây ra. Người phạm tội càng sớm tự nguyện thì mức giảm nhẹ càng nhiều, mức sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả càng nhiều thì mức giảm nhẹ càng nhiều.

Khi áp dụng tình tiết này cần chú ý: nếu người phạm tội chỉ tự nguyện sửa chữa thì chỉ xác định người phạm tội đã tự nguyện sửa chữa thiệt hại, không được xác định cả tình tiết bồi thường hoặc khắc phục hậu quả, nếu người phạm tội vừa tự nguyện sửa chữa, vừa tự nguyện bồi thường, vừa tự nguyện khắc phục hậu quả thì phải coi họ có cả ba tình tiết giảm nhẹ nếu hành vi của họ chỉ xâm phạm trực tiếp tới một khách thể.

- Về tình tiết *“Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng”* quy định tại điểm c khoản 1 Điều 46 BLHS.

Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, xâm hại đến lợi ích Nhà nước, của tổ chức, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác.

Nếu hành vi chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích trên thì là phòng vệ chính đáng. Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm [19].

Mục đích của phòng vệ chính đáng là không chế, đẩy lùi sự tấn công của người đang xâm hại các lợi ích chính đáng của Nhà nước, của tổ chức, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác. Các lợi ích này có thể là lợi ích vật chất hoặc phi vật chất như: tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, ... Tuy nhiên để xác định phòng vệ chính đáng phải đáp ứng đủ các điều kiện như sau: Hành vi xâm hại phải là hành vi trái pháp luật và nguy hiểm đáng kể; hành vi xâm hại phải đang hiện hữu, tức đã bắt đầu, đang xảy ra, chưa chấm dứt hoặc có nguy cơ xảy ra ngay tức khắc; hành vi phòng vệ phải gây thiệt hại cho chính người có hành vi xâm hại chứ không phải cho một người nào khác và hành vi phòng vệ gây thiệt hại cho người xâm hại là cần thiết.

Trong trường hợp phòng vệ chính đáng, người phòng vệ có thể có nhiều cách phòng vệ với mức độ khác nhau, có thể gây thiệt hại ít hoặc nhiều cho người bị tấn công. Việc lựa chọn cách nào gây thiệt hại là tùy thuộc vào khả năng đánh giá và tâm lý của người phòng vệ lúc phòng vệ để làm sao cách chống trả đó không phải là rõ ràng quá mức cần thiết. Hành vi phòng vệ phải có mức độ cần thiết và mức độ đó mới được coi là phòng vệ chính đáng. Nhưng nếu sự phòng vệ là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, gây ra những thiệt hại không cần thiết thì hành vi đó là trái pháp luật, chủ thể bị đe dọa phải chịu những hậu quả bất lợi.

“Phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” là trường hợp vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà chống trả quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại đến những lợi ích trên. Đây là trường hợp đánh giá sai tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi xâm hại nên hành vi chống trả của người phạm tội rõ ràng là quá mức cần thiết, không tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại [26]. Việc đánh giá hành vi chống trả có quá mức cần thiết hay không thì phải căn cứ vào tính

chất và mức độ của hành vi xâm phạm, không gian, địa điểm nơi xảy ra sự việc và các yếu tố có liên quan. Sự cần thiết bao gồm cả thiệt hại do người phòng vệ gây ra lớn hơn, mạnh hơn hành vi xâm hại nhưng xét trong những hoàn cảnh cụ thể nó lại là cần thiết.

Chế định vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng bao gồm những yếu tố cơ bản sau:

Một là lỗi đầu tiên xuất phát về phía người bị hại phải là người đang có hành vi xâm phạm đến các lợi ích nói trên. Nếu hành vi xâm phạm đó chưa bắt đầu và đã kết thúc thì không thuộc trường hợp phòng vệ chính đáng.

Hai là hành vi bảo vệ này phải là người bảo vệ lợi ích chính đáng của Nhà nước, của tổ chức, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác. Các lợi ích này có thể là lợi ích vật chất hoặc phi vật chất như: Tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, ...

Ba là thiệt hại mà người bị hại gây nên do hành vi xâm phạm có thể nhiều loại, nhưng thiệt hại mà người phạm tội gây ra chỉ có thể là tính mạng hoặc sức khỏe.

Bộ luật hình sự năm 1999 quy định tình tiết trên là tình tiết định tội như Điều 106 BLHS quy định “Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” hoặc Điều 96 BLHS quy định “Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng”. Ngoài hai Điều luật trên thì không còn Điều nào quy định tình tiết phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng nữa. Nên có ý kiến cho rằng không nên coi tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ nữa vì nó là dấu hiệu định tội. Nhưng cũng phải cần lưu ý việc quy định cụ thể như vậy sẽ làm cho Tòa án khi áp dụng được thống nhất, rõ ràng, hạn chế việc suy diễn và áp dụng tùy tiện. Nhưng việc áp dụng tình tiết này cho người phạm tội sẽ rất khó được vận dụng nếu hành vi xảy ra liên quan đến các quan hệ pháp luật hình sự khác mà BLHS bảo vệ.

Người có hành vi phạm tội thuộc trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng thì TNHS đối với họ sẽ được giảm nhiều hơn so với những trường hợp

không thuộc trường hợp này. Nên việc chỉ cụ thể hóa trong Điều 96 và 106 BLHS năm 1999 cần được xem xét, phân tích và đánh giá rõ ràng hơn để có thể được áp dụng nhiều trường hợp trong những tội phạm khác mà ở đó có hành vi phạm tội cũng xuất phát từ phòng vệ chính đáng.

- Về tình tiết “*Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết*” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 46 BLHS.

Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết là vì muốn tránh một nguy cơ đang thực tế đe dọa lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà không còn cách nào khác là phải gây ra một thiệt hại, nhưng thiệt hại gây ra rõ ràng vượt quá yêu cầu của thiệt hại cần được ngăn ngừa.

Tình thế cấp thiết là một tình tiết loại trừ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi, mặc dù về dấu hiệu bên ngoài, nó cũng giống hành vi phạm tội. Hành động trong tình thế cấp thiết có gây ra thiệt hại cho xã hội [8, tr.159]. Hầu hết pháp luật hình sự các nước trên thế giới không coi hành động trong tình thế cấp thiết là tội phạm, bởi vì đó là phương thức bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của xã hội, bảo vệ con người và các quyền của con người khỏi một thiệt hại đang có nguy cơ đe dọa.

Theo khoản 1 Điều 16 BLHS, thì tình thế cấp thiết là tình thế của một người vì muốn tránh một nguy cơ đang thực tế đe dọa lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền, lợi ích chính đáng của mình mà không còn cách nào khác là phải hành động gây thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa. Gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết không phải là tội phạm.

Do đó, để được coi là gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết và không phải chịu TNHS khi có đủ các điều kiện sau: Phải có một nguy cơ thực tế đe dọa xâm phạm các quyền và lợi ích hợp pháp, có sự nguy hiểm đang đe dọa gây ra thiệt hại ngay tức tức khắc, nếu không có sự tác động nhằm ngăn chặn thì thiệt hại tất yếu sẽ xảy ra; Sự nguy hiểm đang đe dọa phải là sự nguy hiểm thực tế; việc gây thiệt hại để tránh một thiệt hại khác là sự lựa chọn duy nhất; thiệt hại gây ra phải nhỏ hơn thiệt hại muốn tránh.

Khi xem xét các điều kiện trên cần tránh phiến diện hoặc cắt xén, mà phải xem xét một cách tổng thể, đặt nó trong mối liên quan biện chứng, xuất phát từ mục đích, ý nghĩa của việc quy định chế định này trong luật hình sự là khuyến khích mọi người khi phải đứng trước sự xung đột giữa hai lợi ích mà cả hai lợi ích này đều được pháp luật bảo vệ, đã dám hi sinh lợi ích nhỏ để bảo vệ lợi ích lớn hơn. Pháp luật không quy định sẵn các tình huống cụ thể trong tình thế cấp thiết, nên khi nào có sự nguy hiểm đe dọa đến các lợi ích cần bảo vệ và một người đứng trước tình thế đó, với trách nhiệm của mình lại có hai nghĩa vụ cùng phải thực hiện một lúc mà chỉ thực hiện được một nghĩa vụ, đòi hỏi phải lựa chọn biện pháp nào đó sao cho phù hợp với lợi ích xã hội để bảo vệ một lợi ích khác lớn hơn buộc phải gây thiệt hại nhỏ hơn, thì mới được pháp luật thừa nhận là trong tình thế cấp thiết. Hành động trong tình thế cấp thiết không chỉ là quyền mà còn là nghĩa vụ của mọi người, nên được khuyến khích và được pháp luật bảo vệ [8, tr.160].

Mức độ giảm nhẹ TNHS của tình tiết vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết phụ thuộc vào mức độ thiệt hại mà người phạm tội đã gây ra cho người khác (người thứ ba), khác với trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, BLHS không quy định trường hợp nào vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết là tình tiết định tội hoặc định khung hình phạt mà chỉ là tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt.

- Về tình tiết *“Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra”* quy định tại điểm d khoản 1 Điều 46 BLHS.

Trạng thái tinh thần bị kích động là trạng thái tâm lý của con người bị giảm sút về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, đặc biệt là tính tự chủ và kiềm chế do sự tác động của ngoại cảnh.

Chỉ áp dụng tình tiết này khi có đầy đủ cả hai điều kiện sau:

Thứ nhất là trạng thái tinh thần của người phạm tội phải ở trạng thái bị kích động: Người bị kích động về tinh thần là người không còn nhận thức đầy đủ về hành vi của mình như lúc bình thường, nhưng chưa mất hẳn khả năng nhận thức. Trong trạng thái bị kích động, người phạm tội mất khả năng tự chủ và không thấy

hết được tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mình; trạng thái này chỉ xảy ra trong chốc lát, sau đó tinh thần của họ trở lại bình thường như trước; trạng thái tinh thần bị kích động ở những mức độ khác nhau. Nếu bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của người bị hại đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người phạm tội thì thuộc trường hợp phạm tội “giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” quy định tại Điều 95 BLHS hoặc tội “cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” quy định tại Điều 105 BLHS.

Thứ hai là phải có hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác: Hành vi trái pháp luật ở đây có thể là hành vi vi phạm pháp luật hình sự hoặc những hành vi vi phạm pháp luật khác như: hành chính, lao động, hôn nhân và gia đình... Người khác ở đây không phải là người bị hại, nhưng có liên quan đến người bị hại; nếu một người không có liên quan gì đến người bị hại có hành vi trái pháp luật đối với người phạm tội thì hành vi của người phạm tội không thuộc trường hợp được giảm nhẹ TNHS. Hành vi trái pháp luật của người khác có thể là hành vi trái pháp luật nghiêm trọng nhưng cũng có thể chưa nghiêm trọng. Nếu là hành vi trái pháp luật nghiêm trọng và hành vi đó là của người bị hại đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người phạm tội làm cho người phạm tội bị kích động mạnh thì thuộc trường hợp quy định tại Điều 95 hoặc 105 BLHS như đã nói trên.

Thứ ba là hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác phải là nguyên nhân làm cho người phạm tội bị kích động về tinh thần: Nghĩa là không có hành vi trái pháp luật của người khác thì không có tinh thần bị kích động của người phạm tội và vì thế nếu người phạm tội không bị kích động bởi hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác thì không được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm d khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 [19].

Trường hợp người phạm tội tự mình gây nên tình trạng tinh thần bị kích động mạnh rồi thực hiện hành vi phạm tội cũng không được coi là tình tiết giảm nhẹ TNHS nói trên. Trường hợp người bị hại là người bị bệnh tâm thần hay trẻ em dưới 14 tuổi có những hành vi làm cho người phạm tội bị kích động và thực hiện hành vi

phạm tội, trong trường hợp này người phạm tội cũng không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ này bởi lẽ người bị bệnh tâm thần và trẻ em dưới 14 tuổi khi họ thực hiện hành vi có tính chất kích động tinh thần dẫn đến người khác phạm tội thì cũng không thể coi hành vi đó là trái pháp luật, vì những đối tượng này không nhận thức được tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi do họ thực hiện, điều này được pháp luật hình sự quy định cụ thể.

Thứ tư là hành vi trái pháp luật của bị hại hoặc người khác phải là hành vi được thực hiện đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích hoặc đối với người khác có quan hệ thân thiết với người phạm tội: Nếu trong trường hợp người phạm tội “giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” quy định tại Điều 95 BLHS hoặc tội “cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” quy định tại Điều 105 BLHS, nhà làm luật quy định đó là nghiêm trọng được thực hiện đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người phạm tội thì trong trường hợp “phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do có hành vi trái pháp luật của bị hại hoặc người khác gây ra”, hành vi trái pháp luật còn được thực hiện đối với cả những người có quan hệ thân thiết với người phạm tội. Đây là một đặc điểm cơ bản để nhận biết tình tiết là yếu tố định tội quy định tại Điều 95 và Điều 105 BLHS với tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 46 BLHS. Như vậy khi một người bị kích động về tinh thần, ngoài trường hợp bị hại hoặc người khác có hành vi trái pháp luật với chính bản thân họ thì còn có cả hành vi trái pháp luật được thực hiện đối với những người thân thích của họ hoặc đối với người khác có quan hệ thân thiết với người phạm tội.

Nội dung của tình tiết giảm nhẹ TNHS này khác với tình tiết là yếu tố định tội quy định tại Điều 95 “tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” và Điều 105 “tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” là phạm tội trong tình trạng tinh thần bị kích động do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối

với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người đó. Nên khi xác định tình tiết giảm nhẹ này cần phân biệt với hai trường hợp trên.

Người phạm tội trong cả hai trường hợp này đều bị kích động về tinh thần và đều có hành vi trái pháp luật của người khác gây ra, nhưng sự khác nhau là ở chỗ mức độ kích động và mức độ trái pháp luật của người bị hại. Một bên là người bị kích động mạnh và một bên là người bị kích động nhưng chưa mạnh, chưa đến mức không nhận thức được hành vi của mình.

Tình tiết giảm nhẹ TNHS trên thuộc những biểu hiện chủ quan chỉ mức độ hạn chế về lỗi của người phạm tội do bị kích động về tinh thần vì hành vi trái pháp luật của người khác đối với họ hoặc với người thân thích của họ. Vì vậy, nếu chủ thể thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc của người khác gây ra thì họ được giảm nhẹ TNHS so với các trường hợp phạm tội thông thường khác. Mức độ giảm nhẹ TNHS phụ thuộc vào sự kích động và vào hành vi trái pháp luật của người bị hại. Người phạm tội do hành vi trái pháp luật của chính người bị hại đối với mình sẽ được giảm nhẹ trách nhiệm nhiều hơn là phạm tội do hành vi trái pháp luật của người khác đối với mình hoặc đối với người thân thích của mình. Hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc của người thân thích đối với họ càng nguy hiểm thì mức độ giảm nhẹ trách nhiệm càng nhiều.

- Về tình tiết “*Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra*” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 46 BLHS.

Đây là trường hợp người phạm tội đã thực hiện tội phạm do bị chi phối bởi hoàn cảnh đặc biệt khó khăn do khách quan đưa lại, họ biết việc làm của họ là hành vi trái pháp luật nhưng vì quẫn bách hoặc để vượt qua khó khăn nên nhất thời họ đã phạm tội, ý thức chống đối pháp luật của người phạm tội trong trường hợp này thấp hơn so với các trường hợp khác, mục đích của việc thực hiện tội phạm là nhằm thoát khỏi tình trạng khó khăn đó.

Điều kiện để được áp dụng tình tiết này là người phạm tội đã thực hiện hành vi phạm tội trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không phải do người phạm tội tự gây

ra có thể do thiên tai, hỏa hoạn, động đất, dịch họa, dịch bệnh hoặc do nguyên nhân khác. Để xác định được mức độ đặc biệt khó khăn để coi là tình tiết giảm nhẹ thì khó khăn đó phải rơi vào hoàn cảnh cụ thể của người phạm tội và ảnh hưởng trực tiếp đến hành vi phạm tội của người phạm tội. Vì vậy, trường hợp đặc biệt khó khăn của người phạm tội nếu do chính bản thân người phạm tội gây ra thì không được giảm nhẹ TNHS theo tình tiết này.

Như vậy, chỉ áp dụng tình tiết này khi có đầy đủ hai điều kiện: Đó là phải do hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà phạm tội và hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không phải do người phạm tội tự gây ra.

Tình tiết giảm nhẹ này không thể áp dụng đối với tất cả các tội phạm quy định trong BLHS, mà chỉ áp dụng đối với một số tội do cố ý và chủ yếu đối với các tội xâm phạm về sở hữu, các tội xâm phạm về trật tự quản lý kinh tế, tội trộm cắp, cướp tài sản, buôn lậu... Không áp dụng trong trường hợp người phạm tội do vô ý vì các tội phạm do vô ý không có mục đích phạm tội.

Khi vận dụng tình tiết này cần phân biệt với trường hợp phạm tội: “Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội” là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999. Trong tình tiết giảm nhẹ, khó khăn đặc biệt của người phạm tội còn ở điểm 1 khoản 1 Điều 48 BLHS là khó khăn của xã hội. Vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà phạm tội khác với lợi dụng khó khăn để phạm tội.

Mức giảm nhẹ TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào mức độ khó khăn đặc biệt mà người phạm tội rơi vào hoàn cảnh đó và mức độ cố gắng tìm cách khắc phục của người phạm tội; khó khăn càng lớn thì mức giảm nhẹ càng nhiều.

- Về tình tiết *“Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn”* quy định tại điểm g khoản 1 Điều 46 BLHS.

Chưa gây thiệt hại là khi tội phạm đã được thực hiện, nhưng thiệt hại không xảy ra ngoài ý muốn chủ quan của người phạm tội, nói cách khác là chưa gây ra hậu quả vật chất chẳng hạn như cướp tài sản nhưng chưa chiếm đoạt được tài sản.

Gây thiệt hại không lớn là khi tội phạm đã được thực hiện, nhưng thiệt hại xảy ra nhỏ hơn thiệt hại mà người phạm tội mong muốn và ngoài ý muốn chủ quan của người phạm tội.

Chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn nằm ngoài ý thức chủ quan của người phạm tội. Khác với tình tiết “tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại” có yếu tố tác động của người phạm tội. Ở tình tiết này, người phạm tội hoàn toàn không có hành động ngăn chặn để làm cho thiệt hại không xảy ra hoặc xảy ra không lớn. Hai tình tiết này giống nhau ở chỗ thiệt hại của tội phạm không xảy ra hoặc xảy ra không lớn, nhưng khác nhau ở nguyên nhân dẫn đến việc thiệt hại của tội phạm không xảy ra hoặc xảy ra không lớn. Do đó, khi xem xét áp dụng cần phân biệt rõ bởi việc “Tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại” là thiệt hại đã xảy ra và có thể là lớn, rất lớn nhưng cũng có thể là không lớn. Còn cơ sở giảm nhẹ TNHS của tình tiết “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn” chính là sự hạn chế về mức độ thiệt hại do tội phạm gây ra nên luật hình sự coi trường hợp này là trường hợp được giảm nhẹ TNHS.

Trong trường hợp thiệt hại xảy ra không lớn và người phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại thì được áp dụng cả hai tình tiết giảm nhẹ TNHS đó là tình tiết “gây thiệt hại không lớn quy định tại điểm g khoản 1 Điều 46 BLHS và tình tiết “tự nguyện bồi thường” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999.

Mức giảm nhẹ TNHS của tình tiết này phụ thuộc hoàn toàn vào mức thiệt hại mà người phạm tội đã gây ra cho người bị hại trong phạm vi cấu thành một tội phạm cụ thể.

- Về tình tiết “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS.

Mỗi tội phạm cụ thể, các tình tiết có ý nghĩa độc lập. Tuy nhiên, trong một số trường hợp của một số tình tiết cụ thể chỉ có ý nghĩa hay thể hiện đầy đủ ý nghĩa của nó khi kết hợp các tình tiết khác, như tình tiết giảm nhẹ này là một điển hình. Theo quy định “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” bao gồm hai nội dung (hai vế) rất rõ đó là: “phạm tội lần đầu” và “thuộc trường hợp ít nghiêm

trọng”. Nếu tách hai nội dung này ra thì giữa “phạm tội lần đầu” và “thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” không liên quan gì với nhau, nhưng nhà làm luật quy định: “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” là một tình tiết giảm nhẹ với việc dùng liên từ “và” để gắn hai nội dung (hai vế) với nhau thì cả hai nội dung (hai vế) là điều kiện cần và đủ để xác định có được coi là tình tiết giảm nhẹ TNHS hay không. Tuy nhiên khi xác định nội dung tình tiết giảm nhẹ này thì chúng ta phải xác định từng vế, trên cơ sở đó mới có thể xác định người phạm tội có thuộc trường hợp quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS hay không.

Phạm tội lần đầu là từ khi đủ tuổi chịu TNHS cho đến nay chưa phạm tội lần nào, nếu trước đó đã phạm tội và bị kết án, nhưng đã được xoá án tích hoặc chưa bị kết án, nhưng đã hết thời hiệu truy cứu TNHS hoặc chưa bị kết án, chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS nay bị truy cứu TNHS trong cùng lần phạm tội sau, thì không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ này. Ý nghĩa của tình tiết giảm nhẹ này là chiếu cố những người chưa bao giờ thực hiện hành vi phạm tội, nay vì một lý do hay hoàn cảnh nào đó mà họ phạm tội lần đầu. Tuy nhiên nếu chỉ phạm tội lần đầu mà thiếu điều kiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng thì cũng không được coi là tình tiết giảm nhẹ. Do đó, BLHS quy định “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, nếu thuộc trường hợp nghiêm trọng thì không phải là tình tiết giảm nhẹ [15, tr 162]. Hiện nay vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm “phạm tội lần đầu”, có quan điểm cho rằng nếu đã xoá án tích và không còn thời hiệu truy cứu TNHS hành vi phạm tội của họ trước đó thì vẫn phải áp dụng tình tiết theo điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 [5].

Thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trước hết bao gồm các tội ít nghiêm trọng (tội phạm gây nguy hại không lớn cho xã hội và mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến 3 năm tù (theo quy định tại khoản 3 Điều 8 BLHS); ngoài những tội phạm ít nghiêm trọng, người phạm tội lần đầu đối với các tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng do có các tình tiết đặc biệt của vụ án làm cho trường hợp phạm tội cụ thể đó thành ít nghiêm trọng, tính chất mức độ

phạm tội chỉ rơi vào khung hình phạt từ 3 năm tù trở xuống, hoặc vị trí và vai trò của người phạm tội là ít nghiêm trọng thường là trong trường hợp đồng phạm.

Mức độ giảm nhẹ TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và tội phạm mà người phạm tội đã gây ra trong phạm vi một khung hình phạt.

- Về tình tiết *“Phạm tội vì bị người khác đe dọa, cưỡng bức”* quy định tại điểm i khoản 1 Điều 46 BLHS.

Đe dọa là dọa nạt, làm cho sợ để ngăn ngừa, để sửa chữa thói sai hoặc tránh gây tác hại nguy hiểm, là tạo ra nỗi lo sợ về một tai họa có thể xảy ra; cưỡng bức là dùng sức mạnh uy hiếp tinh thần người khác để bắt buộc họ phải làm dù không muốn cũng không được.

Cưỡng bức và đe dọa khác nhau về mức độ, nhưng đều làm cho người khác sợ hãi mà phải phạm tội. Khoa học luật hình sự coi trường hợp đe dọa là cưỡng bức về mặt tinh thần. Vì vậy đe dọa thực chất là một trường hợp của cưỡng bức, nhưng mức độ làm cho người khác sợ hãi ít hơn trường hợp bị cưỡng bức về vật chất (cưỡng bức về thân thể).

Phạm tội vì bị người khác đe dọa là trường hợp người phạm tội thực hiện tội phạm vì bị người khác uy hiếp về mặt tinh thần, bằng cách đe dọa dùng vũ lực hoặc thực hiện hành vi trái pháp luật đối với người phạm tội hoặc đối với gia đình của họ. Sự uy hiếp đó phải chứa đựng khả năng trở thành hiện thực, còn phạm tội vì bị người khác cưỡng bức là trường hợp người phạm tội thực hiện tội phạm vì bị người khác cưỡng bức là trường hợp người phạm tội thực hiện tội phạm vì bị người khác sử dụng bạo lực về thân thể hoặc tinh thần đối với người phạm tội, dưới bất kỳ hình thức nào, nếu hành vi cưỡng bức không phải là đe dọa.

Cưỡng bức về thân thể là trường hợp một người bị bạo lực vật chất tác động (bị trói, bị giam giữ, bị bịt miệng) khiến họ không hành động được theo ý muốn của mình mặc dù họ biết nếu làm như vậy sẽ gây thiệt hại đến người khác, người bị cưỡng bức về thân thể không phải chịu TNHS vì họ không có lỗi. Người có hành vi cưỡng bức sẽ phải chịu toàn bộ TNHS về tội phạm mà người bị cưỡng bức gây ra.

Ví dụ một người mẹ không cho con bú để đứa con mới đẻ bị chết chỉ vì người mẹ này bị giam giữ không được tiếp xúc với con mình.

Cưỡng bức về tinh thần là trường hợp một người bị đe dọa, uy hiếp gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, tài sản hoặc những lợi ích khác. Người bị cưỡng bức vì sự thiệt hại nên đã hành động hoặc không hành động gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Nếu người bị cưỡng bức hoàn toàn tê liệt về ý chí, không còn cách nào khác, buộc phải hành động theo ý muốn của kẻ cưỡng bức thì không phải chịu TNHS. Nếu sự cưỡng bức chưa tới mức làm cho người cưỡng bức tê liệt ý chí thì người cưỡng bức phải chịu TNHS, nhưng được coi là phạm tội do người khác đe dọa, cưỡng bức.

Trong trường hợp người bị cưỡng bức, theo pháp luật có nghĩa vụ phải bảo vệ tính mạng, sức khỏe của công dân thì sự cưỡng bức về tinh thần dù ở mức độ nào cũng không loại trừ TNHS và hành vi phạm tội của họ cũng không được coi là tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Mức độ giảm nhẹ TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào tính chất, mức độ nguy hiểm của thủ đoạn đe dọa, cưỡng bức; thái độ phản ứng của người bị đe dọa, bị cưỡng bức [12, tr.197].

- Về tình tiết “*Phạm tội do lạc hậu*” quy định tại điểm k khoản 1 Điều 46 BLHS.

Đây là trường hợp phạm tội có tư tưởng lạc hậu, về nhận thức thì hạn chế, không theo kịp đà phát triển chung, người phạm tội do lạc hậu là những người do đời sống sinh hoạt xã hội, không hiểu biết về pháp luật, mọi xử sự trong xã hội đều theo phong tục, tập quán, tín ngưỡng. Họ có hành vi trái với pháp luật nhưng lại cho rằng phù hợp với phong tục, tập quán với đời sống nơi họ cư trú. Thực chất khi phạm tội họ nhận thức rất kém về tính trái pháp luật hành vi của mình.

Sự lạc hậu do nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng chủ yếu bắt nguồn từ nguyên nhân khách quan như nguyên nhân dẫn đến trình độ lạc hậu của người phạm tội do không được học tập, không có những điều kiện thực tế để họ nhận biết được giữa cái tiên bộ và cái lạc hậu. Ở nước ta, một số đồng bào sống ở vùng rừng núi,

đời sống văn hóa, tinh thần chưa cao, mọi quan hệ xã hội còn theo phong tục, tập quán địa phương, Nhà nước tuy đã có biện pháp để nâng cao trình độ nhận thức cho họ, nhưng do việc phổ cập văn hóa, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật chưa được đảm bảo nên ở nhiều địa phương vẫn còn một số bộ phận lạc hậu.

Cho nên các nhà làm luật đã xây dựng tình tiết giảm nhẹ này không chỉ được quy định là tình tiết giảm nhẹ TNHS mà còn là yếu tố định tội trong trường hợp đặc biệt như “người mẹ nào do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà giết con mới đẻ hoặc vứt bỏ đứa trẻ dẫn đến hậu quả đứa trẻ chết thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm” theo quy định tại Điều 94 BLHS. Dấu hiệu để nhận biết tình tiết giảm nhẹ TNHS được làm tình tiết định tội là phạm tội do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc phạm tội trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt được quy định tại điểm k khoản 1 Điều 46 BLHS.

Nên việc xác định tình tiết giảm nhẹ này phải căn cứ vào việc đánh giá nhân thân người phạm tội, hoàn cảnh cụ thể khi xảy ra vụ án và các tình tiết khác liên quan đến nhận thức của người phạm tội. Trên thực tế, có trường hợp khi áp dụng tình tiết này, có những tình tiết Tòa án chỉ quan tâm đến trình độ lạc hậu của người phạm tội mà ít chú ý đến việc phạm tội có phải do trình độ lạc hậu đó hay không.

Mức giảm nhẹ TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào trình độ lạc hậu của người phạm tội, vào những điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương nơi người phạm tội sinh sống, gia cảnh, điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ học vấn, cách xa vùng dân cư phát triển và nguyên nhân ảnh hưởng đến sự lạc hậu đó là do khách quan hay còn do cả chủ quan.

- Về tình tiết “*Người phạm tội là phụ nữ có thai*” quy định tại điểm l khoản 1 Điều 46 BLHS.

Đây là trường hợp người phụ nữ thực hiện tội phạm trong thời gian đang mang thai. Trong giai đoạn đang mang thai người phụ nữ thường diễn ra những thay đổi quan trọng về tâm sinh lý dẫn đến tình trạng dễ bị kích động, hạn chế khả năng

kiểm soát về hành vi nên tình trạng có thai của người phạm tội lúc thực hiện tội phạm có ảnh hưởng đáng kể đối với hành vi thực hiện tội phạm.

Bộ luật hình sự coi người phụ nữ lúc phạm tội đang có thai là một trường hợp được giảm nhẹ, xuất phát từ chính sách bảo vệ bà mẹ và trẻ em, nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự.

Chỉ những người phụ nữ lúc phạm tội đang có thai mới được giảm nhẹ TNHS. Việc này, bản thân người phạm tội phải chứng minh; các cơ quan điều tra, truy tố khi lập hồ sơ cần phải thu thập tài liệu để xác định tình trạng lúc phạm tội của người phạm tội có thai hay không. Nếu tại phiên tòa người phạm tội mới khai là lúc phạm tội đang có thai và xuất trình đầy đủ tài liệu chứng minh, Tòa án vẫn có thể chấp nhận tình tiết giảm nhẹ TNHS này. Còn khi xét xử người phạm tội mới có thai, về nguyên tắc, Tòa án không được coi là tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt vì làm như vậy sẽ gây ra tình trạng người phạm tội lợi dụng việc có thai để trốn tránh sự trừng phạt của pháp luật. BLHS chỉ quy định một trường hợp đặc biệt là Tòa án không được xử phạt tử hình đối với phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi khi phạm tội hoặc khi bị xét xử [19].

Mức độ giảm nhẹ TNHS tùy thuộc vào thời kỳ thai nghén của người phạm tội và tội phạm cụ thể mà họ đã thực hiện. Đối với các tội phạm do ảnh hưởng trực tiếp của tình trạng có thai thì mức độ giảm nhẹ nhiều hơn tội phạm lợi dụng việc có thai mà có hành vi thực hiện tội phạm. Trong trường hợp chưa có đủ căn cứ để kết luận người phụ nữ có thai khi phạm tội thì phải căn cứ vào kết luận của cơ quan chuyên môn y tế hoặc kết luận giám định.

- Về tình tiết “*Người phạm tội là người già*” quy định tại điểm m khoản 1 Điều 46 BLHS.

Theo Nghị quyết số 01/2006/NQ – HĐTP ngày 12 tháng 5 năm 2006 của Hội đồng thẩm phán TANDTC tại tiểu mục 2.4 mục 2 của Nghị quyết đã hướng dẫn “người già là người từ 70 tuổi trở lên” [7], nghĩa là khi con người đến một độ tuổi nhất định thì các hoạt động của cơ thể đều bị giảm sút, thiếu năng động. Pháp luật quy định giảm nhẹ hình phạt cho người già không phải vì hành vi của họ ít nguy

hiểm hơn người trẻ mà chủ yếu xuất phát từ tinh thần nhân đạo xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, buộc một người già chịu một hình phạt nghiêm khắc là không cần thiết nữa.

Mặt khác tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII quy định: Không áp dụng hình phạt tử hình khi xét xử người phạm tội mà BLHS năm 2015 đã bỏ hình phạt tử hình, đối với người đủ 75 tuổi trở lên khi phạm tội hoặc khi xét xử; Hình phạt tử hình đã tuyên đối với người được nêu tại điểm a khoản này nhưng chưa thi hành án, thì không thi hành và Chánh án TANDTC chuyển hình phạt tử hình thành hình phạt tù chung thân; Đối với người đã bị kết án tử hình nhưng chưa thi hành án mà có đủ các điều kiện quy định tại điểm c khoản 3 Điều 40 của BLHS năm 2015, thì không thi hành và Chánh án TANDTC chuyển hình phạt tử hình thành hình phạt tù chung thân.

Theo các tài liệu về y sinh học Quốc tế thì người từ 60 tuổi đến 74 tuổi là người có tuổi; từ 75 tuổi đến 89 tuổi là người già, từ 90 tuổi trở lên là người già sống lâu. Tất nhiên, đó chỉ là quy định về y sinh học, còn về pháp luật, thực tiễn các Tòa án đã coi người từ 60 tuổi trở lên phạm tội là người già và họ được giảm nhẹ khi quyết định hình phạt.

Bộ luật hình sự không phân biệt người già phạm tội nào thì được giảm nhẹ TNHS hơn tội nào, nhưng thực tiễn xét xử cho thấy, người già phạm các tội mà tội đó ảnh hưởng trực tiếp đến tuổi già thì được giảm nhẹ TNHS hơn khi họ phạm những tội không liên quan gì đến tuổi già. Như vậy, với quy định tại điểm m khoản 1 Điều 46 BLHS thì người từ 70 tuổi trở lên nếu phạm tội đều được hưởng tình tiết này mà không phụ thuộc vào loại tội phạm hay sức khỏe. Tuy nhiên, trong một số trường hợp đặc biệt dù người phạm tội là người già từ 70 tuổi trở lên nhưng cũng không nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS này (thông thường là các tội xâm phạm tình dục của người phụ nữ).

Mức độ giảm nhẹ TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào độ tuổi. Tuổi càng cao thì mức giảm càng nhiều. Tuy căn cứ để xác định tình tiết này là độ tuổi, nhưng

mức độ giảm nhẹ TNHS còn tùy thuộc vào sức khỏe của từng người. Sức khỏe càng yếu mức giảm càng nhiều. Nếu tình trạng sức khỏe của người già lại thuộc trường hợp là “Người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình” (điểm n khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999) thì họ được coi là phạm tội có cả hai tình tiết giảm nhẹ.

- Về tình tiết “*Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình*” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 46 BLHS.

Người mắc bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức phải là người khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đang mắc bệnh nào đó đã không nhận thức được đầy đủ tính chất nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của mình, cũng như hậu quả do hành vi của mình gây ra hoặc nhận thức được đầy đủ tính nguy hiểm cho xã hội và hậu quả của hành vi đó nhưng bị hạn chế khả năng điều khiển hành vi. Họ ở trong trạng thái không tỉnh táo, không điều khiển được hành vi theo ý muốn của mình như muốn nói mà không nói được, muốn giữ lại hoặc chống lại mà không hành động được hoặc có hành động nhưng không được như ý muốn của mình do hạn chế về hoạt động cơ học của cơ thể.

Tình tiết giảm nhẹ này chỉ được áp dụng đối với người phạm tội có bệnh này do bẩm sinh hoặc do những tác động khách quan gây ra và phải gắn với hành vi cụ thể mà họ thực hiện chứ không phải cứ có bệnh là được giảm nhẹ. Nếu do họ tự gây ra thì không được giảm nhẹ.

Nếu tình trạng bệnh tật của một người đã làm mất hoàn toàn khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi của mình thì họ không phải chịu trách nhiệm hình sự. Việc xác định tình trạng của một người còn hay mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển thuộc trách nhiệm của cơ quan pháp y. Ở giai đoạn tố tụng nào phát hiện được hoặc do người phạm tội yêu cầu thì cơ quan tiến hành tố tụng trung cầu giám định pháp y để xác định tình trạng bệnh tật của người phạm tội.

Khi xem xét đến khả năng hạn chế về nhận thức và điều khiển hành vi của người phạm tội phải gắn với hành vi cụ thể mà họ thực hiện chứ không phải cứ có bệnh là được giảm nhẹ [12, tr.206].

Chỉ áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS này khi có đầy đủ cả hai điều kiện là “người phạm tội phải có bệnh” và “bệnh đó là nguyên nhân làm hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của người phạm tội”.

Mức độ giảm nhẹ của tình tiết này phụ thuộc vào mức độ bệnh tật của người phạm tội khi thực hiện hành vi phạm tội cũng như mức độ hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của người phạm tội.

- Về tình tiết “*Người phạm tội tự thú*” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 46 BLHS.

Theo Thông tư liên ngành số 05/TTLN ngày 2 tháng 6 năm 1990 của Bộ nội vụ (nay là Bộ công an), Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành chính sách đối với người phạm tội ra tự thú đã quy định: “Người đã thực hiện hành vi phạm tội, nhưng chưa bị phát giác, không kể phạm tội gì, thuộc trường hợp nghiêm trọng hay ít nghiêm trọng mà ra tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả tội phạm thì có thể được miễn TNHS theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 48 (nay là khoản 2 Điều 25 BLHS) hoặc được giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại Điều 38 (nay là Điều 46) BLHS; nếu cùng với việc tự thú mà còn lập công lớn, vận động được nhiều người khác đã phạm tội ra tự thú thì có thể được khen thưởng theo quy định chung của nhà nước” [1].

Như vậy, tự thú là tự khai ra hành vi phạm tội của mình với các nhà chức trách. Việc người phạm tội tự khai ra hành vi phạm tội của mình với nhà chức trách là biểu hiện của sự ăn năn hối cải về việc làm sai trái của mình nên đáng được khoan hồng, nhưng mức độ khoan hồng tới đâu thì lại phải căn cứ vào chính sách hình sự của Nhà nước; căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả đã xảy ra; thái độ khai báo; sự góp phần vào việc phát hiện và điều tra tội phạm của người tự thú. BLHS quy định người phạm tội có thể được miễn TNHS

nếu “trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội đã tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm”.

Tuy nhiên, sau khi có BLHS năm 1999, trong Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10 tháng 6 năm 2002 của TANDTC giải đáp, hướng dẫn các vấn đề nghiệp vụ, tại mục 7 phần 1 đã phân biệt tự thú và đầu thú để áp dụng điểm o khoản 1 hay khoản 2 Điều 46 BLHS. Theo hướng dẫn: Người phạm tội tự thú là người tự mình nhận tội và khai ra hành vi phạm tội của mình trong khi chưa ai phát hiện mình phạm tội [26]. Đây là người hợp tội phạm chưa bị phát hiện nhưng người thực hiện tội phạm đó đã tự đến cơ quan có thẩm quyền (Công an, Viện kiểm sát ...) khai báo hành vi phạm tội của mình. Cũng được coi là tự thú trong trường hợp một người bị bắt, bị phát hiện về một hành vi phạm tội cụ thể, nhưng trong quá trình điều tra tự mình nhận tội và khai ra những hành vi phạm tội khác của mình mà chưa bị phát hiện.

Nếu người phạm tội tự thú có đủ điều kiện quy định ở khoản 2 Điều 25 BLHS thì có thể miễn TNHS khi có đủ những điều kiện sau: Tội phạm mà người tự thú đã thực hiện chưa bị phát giác, tức là chưa ai biết có tội phạm xảy ra hoặc có biết nhưng chưa biết ai là thủ phạm; Người tự thú phải khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, tức là khai đầy đủ tất cả hành vi phạm tội của mình cũng như hành vi phạm tội của những người đồng phạm khác, không giấu giếm bất cứ một tình tiết nào của vụ án, đồng thời giúp cơ quan điều tra phát hiện tội phạm như: chỉ nơi ở của người đồng phạm khác hoặc dẫn cơ quan điều tra đi bắt người đồng phạm khác đang bỏ trốn, thu thập các dấu vết của tội phạm, thu hồi vật chứng, tài sản của vụ án... Nếu khai không rõ ràng hoặc khai báo không đầy đủ thì không được lấy đó làm căn cứ miễn TNHS; Cùng với việc tự thú người tự thú phải cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm như: Trả lại tài sản đã chiếm đoạt; thông báo kịp thời cho người bị hại biết những gì đang đe dọa đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm danh dự hoặc tài sản để họ đề phòng; đòi lại

hoặc thu lại những phương tiện, công cụ hoặc các nguồn nguy hiểm mà họ đã giao hoặc đã tạo ra cho người đồng phạm khác hoặc cho những lợi ích khác...

Nếu thiếu một trong những điều kiện trên hoặc tuy đủ điều kiện nhưng không được miễn TNHS thì được coi là tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt.

Nếu người phạm tội tự thú nhưng chưa đến mức được miễn TNHS thì được coi là tình tiết giảm nhẹ TNHS theo điểm o khoản 1 Điều 46 BLHS. Đây là vấn đề về lý luận cũng như thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử còn nhiều vướng mắc khi xem xét để miễn TNHS cho người phạm tội tự thú; ranh giới để xác định trường hợp nào người phạm tội tự thú thì được miễn TNHS, còn trường hợp nào người phạm tội tự thú chỉ được coi là tình tiết giảm nhẹ không rõ ràng, mà tùy thuộc vào việc đánh giá của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng; không ít trường hợp Cơ quan điều tra cho rằng người phạm tội thuộc trường hợp được miễn TNHS nhưng Viện kiểm sát và Tòa án thì cho rằng chưa đến mức miễn TNHS hoặc ngược lại Tòa án hoặc Viện kiểm sát cho rằng người phạm tội thuộc trường hợp được miễn TNHS nhưng Cơ quan điều tra không đồng tình vẫn đề nghị truy tố.

Thực tiễn xét xử cho thấy, hầu hết các trường hợp người phạm tội tự thú nhưng Viện kiểm sát không miễn TNHS mà truy tố ra tòa thì Tòa án chỉ coi là tình tiết giảm nhẹ TNHS theo điểm o khoản 1 Điều 46 BLHS chứ không ra bản án miễn TNHS cho bị cáo. Mặt khác Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự quy định không rõ ràng, chỉ quy định Hội đồng xét xử trả tự do cho bị cáo trong trường hợp bị cáo được miễn TNHS chứ không có quy định về thẩm quyền của Hội đồng xét xử miễn TNHS cho bị cáo theo khoản 2 Điều 25 BLHS. Tuy nhiên, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự thì việc miễn TNHS cho bị cáo tự thú theo khoản 2 Điều 25 BLHS phải do Hội đồng xét xử quyết định.

Nếu người phạm tội tự thú không được miễn TNHS, mà chỉ được coi là tình tiết giảm nhẹ thì khi áp dụng điểm o khoản 1 Điều 46 BLHS đối với trường hợp người phạm tội tự thú cần chú ý: Trường hợp bị cáo phạm nhiều tội, thì tự thú tội nào được coi là tình tiết giảm nhẹ đối với tội đó; Trường hợp bị cáo thực hiện nhiều hành vi phạm cùng một tội, thì tự thú hành vi phạm tội nào (nếu không được miễn

TNHS về hành vi đó) thì cũng được coi là tình tiết giảm nhẹ đối với tội phạm mà bị cáo thực hiện nhưng mức độ giảm nhẹ ít hơn trường hợp tự thú tất cả hành vi phạm tội.

Cần phân biệt người phạm tội tự thú với “người phạm tội thành khẩn khai báo”. Người phạm tội thành khẩn khai báo là trường hợp chỉ thực hiện một hoặc một số hành vi mà tất cả các hành vi đó chỉ cấu thành một tội. Sau khi bị phát hiện, người phạm tội đã khai báo đầy đủ, trung thực tất cả các tình tiết của vụ án, giúp cơ quan tiến hành tố tụng xử lý nhanh chóng và đúng pháp luật. Nếu người phạm tội sau khi tự thú mà không khai báo thành khẩn thì vẫn có thể được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm o khoản 1 Điều 46 BLHS nhưng mức độ giảm nhẹ ít hơn trường hợp sau khi tự thú người phạm tội khai báo thành khẩn, mà không được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội thành khẩn khai báo”, vì người phạm tội thành khẩn khai báo sau khi tự thú là một trong những điều kiện để xem xét có thể miễn TNHS cho họ.

Mức độ giảm nhẹ TNHS của tình tiết này phụ thuộc vào thời gian, mức độ của hành vi tự thú và những điều kiện về tự thú của người phạm tội, nếu việc tự thú giúp cơ quan tiến hành tố tụng chứng minh tội phạm, phát hiện tội phạm thì mức độ giảm nhẹ nhiều hơn, thậm chí được miễn hình phạt.

- Về tình tiết “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS.

Thực tiễn xét xử thì đây là tình tiết giảm nhẹ TNHS được áp dụng nhiều nhất trong các bản án.

Thành khẩn khai báo là trường hợp người phạm tội trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã khai báo đầy đủ, rõ ràng và đúng sự thật tất cả những tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội mà họ đã thực hiện, lời khai báo của người phạm tội có tác dụng chứng minh tội phạm, có tác dụng giúp cho cơ quan tiến hành tố tụng nhanh chóng kết thúc vụ án. Cơ sở giảm nhẹ TNHS ở tình tiết này thể hiện ở thái độ tự nguyện nhìn nhận tội lỗi, sẵn sàng chấp nhận sự trừng phạt của pháp luật, là tiền đề quan trọng cho quá trình cải tạo người phạm tội. Thái độ tích cực của người

phạm tội cho phép cơ quan áp dụng pháp luật tin vào khả năng thực tế về việc cảm hóa người phạm tội. Việc người phạm tội thành khẩn khai báo sẽ giúp cơ quan tiến hành tố tụng nhanh chóng, kịp thời phá án, buộc người phạm tội phải chịu TNHS về hành vi phạm tội của họ.

Điều này thể hiện chính sách hình sự nhân đạo của Nhà nước ta mà còn có tác dụng đấu tranh, phát hiện tội phạm một cách nhanh chóng, kể cả trường hợp bị bắt quả tang, nếu người phạm tội không thành khẩn khai báo thì cơ quan tiến hành tố tụng cũng sẽ rất khó chứng minh tội phạm hoặc sẽ bị kéo dài quá trình tố tụng, gây ra những tổn thất về kinh tế cũng như ổn định trật tự xã hội.

Giá trị giảm nhẹ TNHS đối với trường hợp có thái độ thành khẩn khai báo tùy thuộc vào sự thành khẩn của người phạm tội ở giai đoạn tố tụng nào và tùy thuộc vào ý nghĩa thiết thực của lời khai thành khẩn đó với việc xác định hành vi phạm tội của họ cũng như các tác động khác. Có trường hợp người phạm tội thành khẩn khai báo trong quá trình điều tra, truy tố nhưng lại quanh co chối tội tại phiên tòa. Cũng có trường hợp người phạm tội không thành khẩn khai báo trong quá trình điều tra, truy tố mà việc nhận tội là do kết quả đấu tranh bằng các biện pháp nghiệp vụ của cơ quan cảnh sát điều tra, nhưng tại phiên tòa thì thể hiện thái độ thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội mà họ đã thực hiện. Việc thành khẩn khai báo ở cơ quan tố tụng nào cũng có những mặt tích cực nhất định trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Để đánh giá được giá trị của tình tiết giảm nhẹ này không thể đơn thuần nhìn vào thời điểm người phạm tội thành khẩn khai báo ở giai đoạn nào trong tố tụng mà phải căn cứ vào ảnh hưởng của việc thành khẩn khai báo, đến hoạt động điều tra, truy tố và xét xử.

Trường hợp người phạm tội buộc phải nhận tội do không thể chối cãi và khai nhận hết hành vi phạm tội của mình thì không được xem xét hưởng tình tiết giảm nhẹ này. Nhưng thực tiễn xét xử thì các Tòa án vẫn cho áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS này cho bị cáo. Việc áp dụng như vậy rõ ràng không thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự, hướng việc trừng trị tội phạm về cải tạo giáo dục bị cáo, người phạm tội.

Thiết nghĩ các nhà làm luật nên quy định mức giảm nhẹ hình phạt cho người phạm tội theo từng giai đoạn tố tụng tương ứng mà người phạm tội thành khẩn khai báo một cách đầy đủ, chính xác hành vi phạm tội từ đó mà mức giảm nhẹ TNHS tương ứng và phù hợp. Khuyến khích người phạm tội lầm lỗi thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội để được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS nhiều hơn nếu sự thành khẩn khai báo sớm hơn.

Ăn năn hối cải là trường hợp sau khi thực hiện tội phạm, người phạm tội thể hiện sự cắn rứt, dày vò lương tâm về tội lỗi của mình không chỉ bằng lời nói mà còn phải bằng những hành động, việc làm cụ thể để chứng minh cho việc mình muốn sửa chữa, cải tạo thành người tốt; bù đắp những tổn thất, thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra.

Khi xác định tình tiết giảm nhẹ này, Tòa án cần phối hợp với cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, các đoàn thể quần chúng đang quản lý người phạm tội để các nhận thái độ của họ sau khi phạm tội. Tuy nhiên cũng cần đề phòng trường hợp người phạm tội giả vờ ăn năn hối cải để được khoan hồng rồi tìm cách tiếp tục phạm tội.

Việc xác định người phạm tội ăn năn hối cải cũng rất khó đối với người bị tạm giữ, tạm giam vì họ không có điều kiện để thể hiện ăn năn hối cải. Tuy nhiên trong quá trình xét xử, Hội đồng xét xử có thể xem xét tình tiết này đối với người phạm tội từ khi bị tạm giữ, tạm giam cho đến khi xét xử và thái độ tại phiên tòa của người phạm tội.

Mức độ giảm nhẹ của việc thành khẩn khai báo phụ thuộc vào sự thành khẩn được thực hiện ở giai đoạn tố tụng nào và ý nghĩa thiết thực của sự thành khẩn trong việc giải quyết vụ án; mức độ giảm nhẹ của sự ăn năn hối cải phụ thuộc vào mức độ ăn năn hối cải của người phạm tội, những hành động, việc làm cụ thể chứng minh cho sự ăn năn hối cải đó.

- Về tình tiết *“Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm”* quy định tại điểm q khoản 1 Điều 46 BLHS.

Tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm là có thái độ chủ động, giúp đỡ nhằm tạo ra những sự biến đổi, thay đổi nhanh hơn trong việc phát hiện và điều tra tội phạm.

Tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm thường được thể hiện bằng việc cung cấp những thông tin, tài liệu, bằng chứng có ý nghĩa thiết thực cho việc phát hiện và điều tra tội phạm; chỉ nơi cất giấu tang vật, nơi người phạm tội khác đang trốn tránh; cung cấp thông tin về tội phạm khác, người phạm tội khác không liên quan đến mình...

Tình tiết giảm nhẹ này thực chất là một điều kiện của tự thú, có thể sau khi vụ án bị phát hiện họ đã giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm. Còn sau khi tự thú, người phạm tội giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm thì có thể được miễn TNHS. Là một điều kiện của tự thú nhưng nó lại là tình tiết giảm nhẹ độc lập, nếu chỉ có tình tiết này thì không gọi là phạm tội tự thú được. Còn nếu đã xác định là người phạm tội tự thú thì không áp dụng tình tiết này là một tình tiết giảm nhẹ độc lập nữa.

Trong trường hợp người phạm tội khai báo với các cơ quan điều tra về một tội phạm khác mà chưa bị phát hiện và tội phạm này không có liên quan gì đến mình, thì họ vẫn được giảm nhẹ trách nhiệm theo tình tiết này.

Mức độ giảm nhẹ phụ thuộc vào tính chủ động, mức độ tích cực giúp đỡ; giá trị của những thông tin, tài liệu, bằng chứng mà người phạm tội đã cung cấp; hiệu quả của những hành vi giúp đỡ của người phạm tội. Thái độ tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm để phát hiện tội phạm đã thể hiện sự nhận thức về tội lỗi của người phạm tội cùng đồng bọn thực hiện. Sự hợp tác của người phạm tội giúp cơ quan có trách nhiệm nhanh chóng tìm ra tội phạm và những người phạm tội khác, đảm bảo cuộc sống an lành cho xã hội. đó là một hoạt động hữu ích, cần được khuyến khích, phải được tính đến trong quá trình giải quyết TNHS đối với người phạm tội và là cơ sở để giảm nhẹ TNHS đối với tình tiết này.

- Về tình tiết *“Người phạm tội đã lập công chuộc tội”* quy định tại điểm r khoản 1 Điều 46 BLHS.

Đã lập công chuộc tội là trường hợp sau khi thực hiện tội phạm cho đến khi bị xét xử (sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm), người phạm tội không những ăn năn hối cải, tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm do họ thực hiện, mà họ còn có những hành động giúp đỡ các cơ quan có thẩm quyền phát hiện, ngăn chặn các tội phạm khác, tham gia phát hiện tội phạm, bắt kẻ phạm tội, có hành động thể hiện sự quên mình vì lợi ích của Nhà nước, của tập thể, quyền và lợi ích chính đáng của người khác... được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng hoặc chứng nhận [23].

Việc lập công này thể hiện phần nào sự hối lỗi cũng như sự quyết tâm cải tạo của người phạm tội, ý thức chống đối xã hội của người phạm tội giảm đi. Thông thường người phạm tội được coi là lập công chuộc tội nếu họ có thành tích xuất sắc trong hoàn cảnh đặc biệt đáng được biểu dương, ca ngợi như không quản ngại khó khăn đặc biệt, có thể ảnh hưởng đến tính mạng đã bất chấp để cứu người, tài sản như hỏa hoạn, lũ lụt. BLHS năm 1985 chưa quy định tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ TNHS. Do đó, BLHS năm 1999 quy định tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ TNHS, đó là chính sách khoan hồng đối với người lập công chuộc tội để áp dụng trong thực tiễn xét xử dễ dàng hơn.

Mức độ giảm nhẹ của tình tiết này phù thuộc vào công trạng của người phạm tội lập được sau khi phạm tội, thành tích càng lớn thì mức giảm nhẹ càng nhiều, thậm chí có thể miễn hình phạt nếu có thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 54 BLHS. Trường hợp đã bị kết án mà lập công lớn thì người phạm tội có thể được miễn hình phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 57 BLHS [27].

- Về tình tiết *“Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác”* quy định tại điểm s khoản 1 Điều 46 BLHS.

Người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác là người được tặng thưởng huân chương, huy chương, bằng khen, bằng lao động sáng tạo hoặc có sáng chế, phát minh có giá trị hoặc nhiều năm được công nhận là chiến sỹ thi đua [23].

Như vậy, những thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác là trước khi phạm tội họ đã có những thành tích xuất sắc được tặng thưởng huân chương, huy chương, bằng lao động sáng tạo, bằng khen của Chính phủ hoặc có sáng chế, phát minh có giá trị lớn hoặc nhiều năm được công nhận là chiến sĩ thi đua, dũng sĩ quyết thắng, các danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động, Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú và các danh hiệu cao quý khác... ở những mức độ khác nhau. Cơ sở giảm nhẹ TNHS của tình tiết này xuất phát từ đòi hỏi công bằng thông qua việc cân nhắc giữa công và lập công chuộc tội của người phạm tội, đồng thời tính đến khả năng cảm hóa của người phạm tội.

Ở nước ta hiện nay có rất nhiều hình thức khen thưởng, nhiều danh hiệu thi đua nhưng không phải hình thức khen thưởng nào, danh hiệu nào cũng được coi là thành tích xuất sắc để được áp dụng, đây là vấn đề lý luận cũng như thực tiễn xét xử còn có nhiều ý kiến, quan điểm khác nhau nên cần phải có sự hướng dẫn chính thống, thống nhất với nhau để việc áp dụng được đồng bộ và tuân thủ quy chuẩn, không bị tràn lan khi áp dụng tình tiết này bởi các bằng khen, giấy khen của tất cả các tổ chức, của tập thể.

Tình tiết giảm nhẹ TNHS này khác với tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội lập công chuộc tội”, đó là các thành tích mà người phạm tội đạt được có trước khi hành vi phạm tội xảy ra, còn thành tích mà người phạm tội được công nhận đó là hành động “lập công chuộc tội” là có sau khi họ đã thực hiện hành vi phạm tội. Đây là dấu hiệu cơ bản để phân biệt giữa hai tình tiết giảm nhẹ TNHS này được quy định tại điểm s và điểm r khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999.

Khi áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 Điều 46 BLHS thì cơ quan tiến hành tố tụng cần căn cứ vào từng trường hợp cụ thể, giữa công và tội [31, tr.135] để xác định đúng nội dung của từng tình tiết giảm nhẹ. Nếu người phạm tội có thành tích xuất sắc trong sản xuất thì chỉ ghi trong bản án là người phạm tội có thành tích xuất sắc trong sản xuất mà không ghi hết toàn bộ nội dung trong điều luật. Về mặt lý luận nếu người phạm tội có cùng bốn tình tiết trong

cùng điểm s khoản 1 Điều 46 BLHS thì người phạm tội cũng chỉ được hưởng một tình tiết giảm nhẹ nhưng trong thực tiễn xét xử khi có các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 46 BLHS thì Tòa án có thể phân tích, nhận định thêm theo khoản 2 Điều 46 BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho người phạm tội và có thể áp dụng Điều 47 BLHS cho người phạm tội.

Mức độ giảm nhẹ phụ thuộc vào thành tích; hình thức khen thưởng; giá trị của sáng chế, phát minh; danh hiệu thi đua được công nhận; số lần được khen thưởng... Khi xét xử Hội đồng xét xử đều xem xét cân nhắc giữ công và tội, tùy theo công lớn hay nhỏ đồng thời phải tính đến khả năng tiếp thu cải tạo dễ dàng hơn của người phạm tội để giảm nhẹ hình phạt một cách đáng kể trong trường hợp phạm những tội thuộc loại vô ý hay phạm tội có tính chất cơ hội, vì hoàn cảnh hay phạm tội ít nghiêm trọng. Tình tiết này chỉ có ý nghĩa rất ít trong trường hợp phạm những tội nghiêm trọng, nhất là trường hợp những người đã có công nay đã xa đọa lâm vào phạm tội mà mất hết phẩm chất đạo đức.

2.1.2. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS rất đa dạng và phong phú về biểu hiện. Sự đa dạng, phong phú của các tình tiết giảm nhẹ TNHS thể hiện ở chỗ, ngoài những tình tiết giảm nhẹ TNHS đã được quy định ở khoản 1 Điều 46 BLHS, còn có những tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS. Khoản 2 Điều 46 BLHS quy định: *“Khi quyết định hình phạt, Tòa án có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ trong bản án”*.

Sự xuất hiện của tình tiết giảm nhẹ TNHS trong vụ án hình sự nó làm giảm nhẹ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, người phạm tội. Qua đó nó có ý nghĩa rất quan trọng khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội. Việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 BLHS cho phép quyền tùy nghi rộng rãi đối với Tòa án trong việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Tuy nhiên, để các Tòa án áp dụng thống nhất, Hội đồng thẩm phán TANDTC đã ban hành Nghị quyết hướng dẫn số 01/2000/NQ – HĐTP ngày 04/8/2000 hướng dẫn áp dụng

một số quy định trong phần chung của BLHS năm 1999, tại điểm c mục 5 Nghị quyết [6] hướng dẫn:

- Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh chị em ruột bị cáo là người có công với nước hoặc có thành tích xuất sắc được Nhà nước tặng một trong các danh hiệu vinh dự như Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang, Người mẹ Việt Nam anh hùng, nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú, nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú, thầy thuốc nhân dân, thầy thuốc ưu tú hoặc các danh hiệu cao quý khác theo quy định của nhà nước.

- Bị cáo là thương binh hoặc có người thân thích như vợ, chồng, cha, mẹ, con (con đẻ hoặc con nuôi), anh, chị em ruột là liệt sĩ.

- Bị cáo là người tàn tật do bị tai nạn trong lao động hoặc trong công tác, có tỷ lệ thương tật 31% trở lên.

- Người bị hại cũng có lỗi.

- Gia đình bị cáo đã sửa chữa, bồi thường thiệt hại đã xảy ra cho bị cáo.

- Người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt (bãi nại) cho bị cáo trong trường hợp chỉ gây tổn hại về sức khỏe của người bị hại, hoặc gây thiệt hại về mặt tài sản.

- Người phạm tội trong những trường hợp vì phục vụ yêu cầu công tác đột xuất như khi đi chống bão, lụt, cấp cứu mà vì phải gấp rút nên để xảy ra hành vi phạm tội.

Khi áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS ngoài các tình tiết được hướng dẫn tại điểm c mục 5 Nghị quyết trên thì Tòa án còn có thể áp dụng các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ tùy từng trường hợp cụ thể và hoàn cảnh cụ thể của người phạm tội, nhưng phải ghi rõ trong bản án. Điều này cũng lý giải sự cần thiết của quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS xuất phát từ tính đa dạng, phong phú của các tình tiết giảm nhẹ, yêu cầu đảm bảo công bằng xã hội và nguyên tắc tiết kiệm hợp lý cưỡng chế hình sự. Tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS có giá trị pháp lý đáng kể, giúp cho Hội đồng xét xử có căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho người phạm tội trong giới hạn một khung hình

phạt và lựa chọn biện pháp chấp hành hình phạt. Một người có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS sẽ được giảm nhẹ hơn so với người có cùng hành vi phạm tội nhưng có hoặc không có tình tiết giảm nhẹ TNHS, đặc biệt là trong trường hợp phạm tội bị xử phạt tù không quá ba năm, có nhân thân tốt, chỉ có một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS, nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 BLHS thì Tòa án có thể xem xét cho người đó được hưởng án treo.

Bên cạnh những tình tiết giảm nhẹ TNHS được liệt kê tại Nghị quyết 01/2000/NQ – HĐTP hướng dẫn áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 BLHS thì trong một số văn bản chuyên ngành có nêu một số tình tiết giảm nhẹ TNHS trong trường hợp cụ thể như: tại Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 của TANDTC hướng dẫn áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 BLHS đối với trường hợp người phạm tội ra đầu thú. Đây là trường hợp đã có người biết hành vi phạm tội của người phạm tội và người phạm tội đến cơ quan có thẩm quyền trình diện khai báo về hành vi phạm tội của mình. Theo hướng dẫn đó, thì không phải trong mọi trường hợp người phạm tội ra đầu thú đều có thể được hưởng chính sách giảm nhẹ TNHS. Nếu trường hợp người phạm tội đã bị cơ quan điều tra truy bắt ráo riết không còn khả năng lẩn trốn hoặc chống cự buộc phải ra đầu thú thì mặc dù có được hưởng chính sách giảm nhẹ TNHS thì người phạm tội ra đầu thú trong trường hợp này cũng không được giảm nhẹ TNHS như đối với người phạm tội tự thú. Tuy nhiên phải nhận thức rằng người phạm tội ra đầu thú giúp cho cơ quan điều tra nhanh chóng điều tra kết thúc vụ án, làm sáng tỏ bản chất vụ án, giảm công sức, chi phí cho việc truy nã tội phạm, nâng cao tỷ lệ điều tra, khám phá các vụ án hình sự xảy ra. Thông qua đó góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, củng cố và tạo sự tin tưởng của quần chúng vào công tác đấu tranh và phòng chống tội phạm. Đồng thời tại Công văn số 148/2002/KHXX ngày 30/9/2002 của TANDTC hướng dẫn áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 BLHS đối với trường hợp người phạm tội là cháu được bà ngoại là mẹ Việt Nam anh hùng nuôi dưỡng từ nhỏ, là người thân duy nhất còn lại hoặc trường hợp bị cáo có cha,

mẹ được tặng thưởng nhiều giấy khen, bằng khen về những thành tích xuất sắc trong công tác.

Sự ảnh hưởng của tình tiết giảm nhẹ TNHS là khác nhau. Ngoài những tình tiết điển hình nhất, phổ biến nhất có tác dụng giáo dục tích cực đối với đa số các tội phạm được ghi nhận tại khoản 1 Điều 46 BLHS thì khoản 2 Điều 46 BLHS như đã phân tích ở trên. Điều này thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự, phù hợp với nguyên tắc có lợi cho bị cáo của pháp luật tố tụng hình sự, vừa giao trọng trách cho Tòa án khi thực hiện chức năng xét xử. Điều này cho thấy vai trò của Hội đồng xét xử được Nhà nước giao trọng trách cầm cân cân công lý cần đề cao tinh thần trách nhiệm, thực hiện tốt quyền năng xét xử được nhà nước giao, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm khi có căn cứ thì phải xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS. Tuy nhiên một tình tiết chưa được quy định trong BLHS và chưa được cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn nhưng được Tòa án vận dụng như một tình tiết giảm nhẹ chỉ có sức thuyết phục khi nó vừa phù hợp với chính sách hình sự của Nhà nước, với đạo đức, tâm lý, dư luận xã hội, vừa phù hợp với đặc điểm nhân thân, hoàn cảnh phạm tội cụ thể của người phạm tội. Để xác định một tình tiết nào đó là tình tiết giảm nhẹ thì phải xem xét tình tiết đó có ý nghĩa làm giảm nhẹ mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội không, có phản ánh được những đặc điểm đặc biệt về hoàn cảnh phạm tội và khả năng cải tạo, giáo dục của bị cáo không.

Luật hình sự không cho phép áp dụng các tình tiết để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Vì vậy các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 BLHS có giá trị pháp lý thấp hơn so với những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS nên mức độ giảm nhẹ TNHS cũng thấp hơn, nhưng các tình tiết giảm nhẹ này có ý nghĩa quan trọng khi lượng hình phù hợp với nguyên tắc có lợi cho bị cáo của pháp luật. Mục đích của quy định pháp luật này nhằm đảm bảo sự công bằng của pháp luật, thực hiện chính sách hình sự nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta, và còn có tác dụng tích cực trong việc giáo dục, cải tạo cho người phạm tội.

Bên cạnh đó tại khoản 3 Điều 46 BLHS quy định “Các tình tiết giảm nhẹ đã được BLHS quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ trong khi quyết định hình phạt”. Vì định tội danh là việc xác định hành vi khách quan thoả mãn cấu thành một tội phạm nhất định được quy định trong Bộ luật hình sự và định khung hình phạt là xác định khung hình phạt phải áp dụng cho hành vi phạm tội đã được định tội danh. Là một hoạt động trong quá trình áp dụng luật hình sự, được thực hiện trên cơ sở kết quả của hoạt động định tội và là cơ sở cho việc quyết định hình phạt. Được coi là hoạt động độc lập cùng với hoạt động định tội và hoạt động quyết định hình phạt nhưng cũng có thể coi là phần đầu của hoạt động quyết định hình phạt. Nên khi đã được áp dụng là dấu hiệu định tội hoặc định khung thì không được áp dụng làm tình tiết giảm nhẹ TNHS cho người phạm tội.

2.2. Thực tiễn áp dụng quy định của Bộ luật hiện hành về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên địa bàn huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

2.2.1. Thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Địa bàn huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước là một địa phương rộng lớn, có nhiều dân tộc sinh sống và nhiều dân nhập cư từ các tỉnh khắp cả nước về sinh sống, nên số lượng án hình sự ngày càng cao cho thấy là địa bàn phức tạp về tội phạm hình sự, nên việc thống kê khảo sát các bản án hình sự thu thập qua các năm có tính đại diện rất cao. Từ đó có thể đánh giá tương quan về tình hình tội phạm cũng như thực tiễn xét xử và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo Điều 46 BLHS. Tác giả luận văn đã thu thập số liệu thống kê số vụ án đã thụ lý và xét xử các vụ án hình sự trên địa bàn huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước trong 06 năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015 và 2016, đồng thời cũng khảo sát thống kê các bản án trên địa bàn lấy trong các năm, thể hiện thông qua bảng số liệu thống kê dưới đây.

Bảng 2.1: Số liệu án hình sự xét xử trong các năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015 và 2016

Số thứ tự	Năm	Số vụ	Số bị cáo
01	2011	90	165
02	2012	131	299
03	2013	96	187
04	2014	152	341
05	2015	123	245
06	2016	161	283

(Nguồn: Tổng hợp khảo sát ở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước)

Bảng 2.2: Tổng hợp thực tiễn áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Số thứ tự	Năm	Số vụ	Số bị cáo	Điểm b	Điểm đ	Điểm g	Điểm h	Điểm o	Điểm p
01	2011	90	165	85	05	70	44	09	165
				52%	3%	42.4%	26.7%	5.5%	100%
02	2012	131	299	150	07	60	20	15	299
				50.2%	2.4%	20.1%	13.4%	5%	100%
03	2013	96	187	95	03	48	56	16	187
				50.1%	1.6%	25.7%	64.4%	8.6%	100%
04	2014	152	341	221	04	55	117	08	339
				65%	1.8%	16%	34.3%	2.4%	99.4%
05	2015	123	245	71	01	60	85	05	243
				29%	0.4%	24.5%	35%	2%	99.2%
06	2016	161	283	144	02	96	60	16	282
				51%	0.7%	34%	21.2%	5.7%	99.6%

(Nguồn: Tổng hợp khảo sát ở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước)

Trên cơ sở nghiên cứu tần suất áp dụng của mỗi tình tiết giảm nhẹ TNHS trên 700 bản án thể hiện thông qua các số liệu thu thập được tại Bảng phụ lục 2.2 cho thấy tần suất áp dụng các loại tình tiết giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt khác nhau. Có những tình tiết hầu như được áp dụng với tất cả các bản án đó là tình tiết “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Có những tình tiết hầu như không được áp dụng như: “Phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng”; “Phạm tội do vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết”; “Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra”; “Người phạm tội đã lập công chuộc tội”; “Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác”. Lý do của tình trạng này vì đã được áp dụng như tình tiết định tội hoặc định khung hoặc đã được áp dụng các biện pháp xử lý khác ở

giai đoạn điều tra nên hầu như không gặp trong thực tiễn xét xử. Một số tình tiết khác có tỷ lệ áp dụng khá thấp dưới 5% (07/22 tình tiết) chiếm tỷ lệ 31.8%, tỷ lệ áp dụng dưới 20% (01/22 tình tiết) chiếm tỷ lệ 4.5%. Lý do bởi điều kiện áp dụng khá chặt chẽ của nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS, không ít trường hợp chỉ đạt một phần của điều kiện nên không có cơ hội để áp dụng nên thường được áp dụng theo khoản 2 Điều 46 BLHS. Số còn lại có tần suất áp dụng tương đối cao, khá phổ biến như các tình tiết: “Thành phần khai báo, ăn năn hối cải”; “Phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”.

Nghiên cứu tình hình vận dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS, thực tiễn trong công tác xét xử cho thấy về cơ bản Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng đã áp dụng đúng đắn về nội dung và điều kiện của mỗi tình tiết giảm nhẹ TNHS. Các cơ quan và người tiến hành tố tụng ngày càng quan tâm đến việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt nên việc cá thể hóa TNHS và hình phạt đối với bị cáo được chính xác hơn, thể hiện được tính nghiêm minh nhưng cũng thể hiện được tính nhân đạo trong pháp luật hình sự. Tuy nhiên, trong việc vận dụng một số tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 1 Điều 46 BLHS còn bộc lộ nhiều thiếu sót, vướng mắc, còn nhiều trường hợp áp dụng không đúng nên quyết định một mức hình phạt quá nặng hoặc quá nhẹ so với hành vi của người phạm tội gây ra, dẫn đến chuyển khung hình phạt hoặc chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn không có căn cứ theo Điều 47 BLHS. Một số tình tiết giảm nhẹ do chưa được hướng dẫn, hướng dẫn chưa rõ hoặc do sự nhận thức chủ quan của Hội đồng xét xử dẫn đến việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ chưa có sự thống nhất:

Không áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS cho người phạm tội trong khi các tình tiết thực tế của vụ án cho thấy có đủ cơ sở để áp dụng theo quy định của BLHS: Tại bản án số 100/2016/HSST ngày 21/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng thể hiện bị cáo Nông Văn Huân phạm tội mua bán trái phép chất ma túy, trong phần xét thấy thể hiện quan hệ thân thân bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo bán ma túy cho Phạm Duy Định nhưng khi Định nhận ma túy thì bị Công an bắt. Tuy nhiên tại phần quyết định không cho bị cáo Nông Văn Huân được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS

theo điểm g khoản 1 Điều 46 BLHS “phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn”.

Có áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS cho người phạm tội theo quy định của BLHS nhưng lại không giảm khung hình phạt liền kề: Tại bản án số 33/2013/HSST ngày 24/4 /2013 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, bị cáo Phạm Đăng Bộ bị truy tố khoản 2 Điều 138 BLHS. Phần xét thấy thể hiện bị cáo Bộ thành khẩn khai báo, hậu quả xảy ra không lớn. Bị cáo được áp dụng điểm p, điểm g khoản 1 Điều 46 BLHS, tuy nhiên khi áp dụng hình phạt lại xử phạt bị cáo 05 năm tù và không áp dụng Điều 47 BLHS xử bị cáo dưới khung hình phạt hoặc chuyển khung hình phạt nhẹ hơn liền kề.

Vận dụng tình tiết “gây thiệt hại không lớn” không đúng theo quy định: Tại bản án số 72/2015/HSST ngày 15/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, thể hiện bị cáo Đinh Văn Hiếu phạm tội cướp tài sản, tại phần xét thấy thể bị cáo Hiếu dùng dao uy hiếp tinh thần của người bị hại để buộc bị hại phải đưa 2.400.000đ nên phần quyết định của bản án áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm g khoản 1 Điều 46 BLHS là không phù hợp, bởi lẽ thiệt hại về vật chất là không lớn nhưng thiệt hại về phi vật chất là lớn.

Không áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS cho người phạm tội theo quy định của BLHS nhưng lại giảm khung hình phạt liền kề: Tại bản án số 44 /2016/HSST ngày 31/4 /2016 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, thể hiện bị cáo Nguyễn Hoàng Cường phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 BLHS. Trong phần xét thấy thể hiện có một tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo theo điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS, tuy nhiên tại phần Quyết định của bản án thì áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS, Điều 47 BLHS lại tuyên phạt bị cáo 18 tháng tù.

Trên đây là một số bản án mà khi khảo sát, thống kê và nghiên cứu thấy nổi lên các vấn đề cần được phân tích kỹ hơn, vì sự áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS có phần tùy tiện và chưa hợp lý. Có những bản án khi nhận định thì có

nhưng khi quyết định thì lại không áp dụng, có những bản án thì nhận định sai nên khi áp dụng sai với tinh thần của điều luật.

2.2.2. Thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Bảng 2.3: Tổng hợp thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Số thứ tự	Năm	Số vụ án	Số bị cáo	Áp dụng khoản 2 Điều 46 BLHS			
				Số vụ án	Tỷ lệ %	Số bị cáo	Tỷ lệ %
01	2011	90	165	85	94.4%	145	87.9%
02	2012	131	299	123	93.4%	246	82.3%
03	2013	96	187	78	81%	160	85.6%
04	2014	152	341	143	94.1%	310	91%
05	2015	123	245	103	83.7%	218	89%
06	2016	161	283	145	90.1%	270	95.4%

(Nguồn: Tổng hợp khảo sát ở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước)

Xét tính chất thì tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 46 BLHS thì mức độ giảm nhẹ TNHS ít hơn khoản 1 Điều 46 BLHS nhưng cũng chiếm một tỷ lệ khá lớn qua quá trình thực tiễn áp dụng trên 90% bản án được áp dụng và trên 80% bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ này và đây cũng là tình tiết nhận định mới có, xoay quanh nhân thân, hoàn cảnh của bị cáo, mối quan hệ và những hành vi khác của bị cáo có thể làm giảm bớt thiệt hại và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi người phạm tội, qua đó thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

Thực tiễn áp dụng khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 trong hoạt động xét xử cho thấy, ngoài các tình tiết đã được nêu trong Nghị quyết 01/2000/NQ – HĐTP

ngày 04/8/2000 của Hội đồng thẩm phán TANDTC, Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 và Công văn số 148/2002/KHXX ngày 30/9/2002 của TANDTC hướng dẫn áp dụng khoản 2 Điều 46 BLHS thì còn có khá nhiều tình tiết chưa được hướng dẫn áp dụng, nhưng Tòa án vẫn áp dụng để giảm nhẹ TNHS cho người phạm tội như: gia đình bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; trình độ văn hóa của bị cáo còn thấp, thiếu am hiểu pháp luật nên nhận thức còn hạn chế; phạm tội do bộc phát, nhất thời; phạm tội không có tính chất vụ lợi; người phạm tội có tuổi đời còn trẻ; phạm tội do bị lôi kéo, rủ rê; người phạm tội có công việc ổn định và có nơi cư trú rõ ràng; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn; bị cáo là người lao động chính trong gia đình; bị cáo có con còn nhỏ; ... Việc Tòa án áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS nêu trên là nhằm thực hiện chính sách khoan hồng của luật hình sự đối với người phạm tội nhằm tạo điều kiện để họ nhanh chóng cải tạo giáo dục trở thành người có ích cho xã hội.

Tuy nhiên thực tiễn áp dụng cũng có một số khó khăn, hạn chế và bất cập chưa đồng bộ và có phần tùy nghi, đó là:

Không áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS cho người phạm tội trong khi các tình tiết cho thấy có đủ cơ sở để áp dụng theo quy định: Tại bản án số 83/2014/HSST ngày 25/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng xét xử bị cáo Lâm Văn Hùng về tội cố ý làm hư hỏng tài sản, tại phần xét thấy thể hiện bị cáo tại thời điểm phạm tội là người chưa thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế, tuy nhiên khi quyết định hình phạt lại không áp dụng khoản 2 Điều 46 BLHS.

Một số trường hợp áp dụng chưa đúng theo quy định của pháp luật: Tại bản án số 110/2016/HSST ngày 30/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng xét xử bị cáo Nguyễn Anh Tú về tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, tại phần xét thấy thể hiện bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo có hai em đã thành niên, có cha mẹ đang trong độ tuổi lao động nhưng bị cáo cho rằng hai em đang là sinh viên đại học, mẹ hay ốm đau nhưng không có tài liệu chứng minh nhưng Hội đồng xét xử xem đây là tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 46 BLHS là không đúng.

Một số trường hợp bất cập khác: Tại bản án số 14/2016/HSST ngày 25/2/20114 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng xét xử bị cáo Nguyễn Văn Dũng về tội cố ý gây thương tích tại phần xét thấy thể hiện bị cáo Dũng phạm tội lần đầu, bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Nhưng khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 46 BLHS.

Để tránh việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS này một cách tùy tiện làm giảm hiệu quả đấu tranh, phòng ngừa và chống tội phạm thì khi xét xử Hội đồng xét xử phải xem xét toàn diện, cân nhắc thận trọng, nhận định các tình tiết giảm nhẹ TNHS luôn đòi hỏi sự kiểm tra về tính có căn cứ của việc giảm nhẹ. Một tình tiết tuy không được quy định trong BLHS và chưa được cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn nhưng được Tòa án coi là tình tiết giảm nhẹ chỉ có sức thuyết phục khi nó vừa phù hợp với chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước, phù hợp với đạo đức, tâm lý, dư luận xã hội, vừa phù hợp với đặc điểm về nhân thân, hoàn cảnh phạm tội cụ thể của bị cáo, tình tiết đó có ý nghĩa làm giảm mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

2.2.3. Những khó khăn, hạn chế, bất cập và nguyên nhân trong áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự liên quan đến các quy định pháp luật.

2.2.3.1. Những khó khăn, hạn chế, bất cập và nguyên nhân tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Với những thuận lợi là đã được quy định rất cụ thể về điều kiện được áp dụng các tình tiết này cho người phạm tội, tuy nhiên thực tiễn xét xử trên địa bàn huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước việc vận dụng cũng còn có nhiều vướng mắc, khó khăn, bởi các lý do cơ bản sau:

Có một khái niệm dễ bị nhầm lẫn đến áp dụng không chính xác

Ví dụ: Tại điểm a khoản 1 Điều 46 BLHS và điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS. Thẩm phán phải xác định việc người phạm tội đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả là trường hợp đã xảy ra còn điểm a khoản 1 Điều 46 BLHS là ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm, nghĩa là làm cho thiệt hại không xảy ra hoặc nếu có xảy ra thì cũng được hạn chế thấp hơn.

Thực tiễn xét xử cũng cho thấy có những tình tiết đủ cơ sở để áp dụng giảm TNHS nhưng lại không được áp dụng bởi nhận định của Hội đồng xét xử còn trái quan điểm nhau, nhất là án sơ thẩm, Hội thẩm còn chưa hiểu hết ý nghĩa của các khái niệm về các tình tiết giảm nhẹ TNHS.

- Việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả khi đã có bản án sơ thẩm thì cũng là vấn đề cần được tranh luận thêm bởi có Tòa án phúc thẩm cho rằng đây là phần bồi thường thiệt hại TNHS chứ không phải là tự nguyện. Do đó việc áp dụng còn thiếu sự thống nhất trong toàn hệ thống các cơ quan xét xử.

- Đối với các điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 46 BLHS

Thực tiễn xét xử cho thấy việc xác định từng điểm nêu trên tại khoản 1 Điều 46 BLHS không phải lúc nào cũng dễ dàng, chính xác.

Ví dụ: Như thế nào là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, có thể với người này là quá giới hạn nhưng với người kia thì không quá hoặc với người này là quá kích động về tinh thần nhưng với người khác thì không đến mức kích động nên việc áp dụng còn khá cảm tính dẫn đến tùy tiện hoặc thậm chí phán quyết nghiệp vụ sẽ không áp dụng luôn tình tiết này mà đáng ra người phạm tội có đủ yếu tố để được hưởng. Do đó việc quy định rõ ràng, chi tiết, cụ thể luôn là điều hết sức cần thiết.

Trong xã hội ngày nay việc xã hội đã phổ cập có nơi đã đến bậc trung học, có nơi tiểu học và việc xây dựng xã hội hóa giáo dục, hòa nhập cộng đồng quốc tế về giáo dục cũng là một xu hướng phát triển nhanh, tuy nhiên có trường hợp người ở đô thị mù chữ nhưng là người phạm tội cho vay nặng lãi, như vậy người này có được áp dụng điểm k khoản 1 Điều 46 BLHS không? Do đó việc cụ thể hơn hoặc có hướng dẫn cụ thể hơn về tình tiết này cũng là một việc cấp thiết so với những thực tiễn xét xử còn bất cập vướng mắc. Thực tiễn xét xử còn cho thấy việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS còn khó khăn, vướng mắc ở chỗ địa phương coi trình độ học lớp 2 khi phạm tội là phạm tội do lạc hậu, không bắt kịp tiến bộ xã hội nhưng có nơi lại không chấp nhận và áp dụng tình tiết này.

Việc áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS quy định “ăn năn hối cải” cũng gặp nhiều khó khăn. Thực tiễn xét xử thì có nơi áp dụng tình tiết ăn năn hối cải đối

với người phạm tội lần đầu, còn các lần phạm tội sau thì không được áp dụng, còn có nơi thì áp dụng đối với từng vụ án cụ thể đối với người phạm tội. Còn nếu giải thích “ăn năn hối cải” là tích cực bồi thường, khắc phục hậu quả, tự nguyện sửa chữa thì lại ở điểm b, khoản 1 Điều 46 BLHS hoặc dễ hiểu nhất là việc thể hiện hối hận về việc mình đã làm và lấy làm đau khổ, dằn vặt với hành vi phạm tội của mình, sự thể hiện họ thành thật và rất hối hận thật lòng.

Việc quy định về hiệu đúng phải cần giải thích quá nhiều mà cũng chưa rõ ràng, khó áp dụng vào các bản án hoặc có áp dụng cũng rất mơ hồ, đây cũng là vấn đề nan giải cần được phân tích kỹ lưỡng hơn khi soạn thảo điều luật của BLHS đối với các nhà làm luật, khi quy định tình tiết giảm nhẹ TNHS này.

Theo quy định tại điểm q và điểm r khoản 1 Điều 46 BLHS, nếu người phạm tội lập công chuộc tội, như tích cực giúp đỡ cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm, có được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ TNHS hay không? Việc một người phạm tội bị tạm giam thì xác xuất lập công để chuộc tội chỉ có thể là điểm q khoản 1 Điều 46 BLHS, chứ việc lập công chuộc tội theo điểm r khoản 1 Điều 46 BLHS là rất khó khả thi. Người phạm tội tích cực giúp đỡ cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm, chứ làm gì có cơ hội ở ngoài mà lập công, nếu có thì cũng rất hạn chế, thiết nghĩ việc mở rộng, đa dạng nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS rồi lại bó buộc trong khuôn khổ một hành vi nhỏ hẹp làm cho việc áp dụng bị hạn chế cũng là một bất cập rất thực tế.

2.2.3.2. Những khó khăn, hạn chế, bất cập và nguyên nhân liên quan đến khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Để tránh việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 46 BLHS một cách tùy tiện thì Hội đồng thẩm phán TANDTC ra Nghị quyết số 01/2000/NQ – HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng thẩm phán TANDTC; Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/06/2002 của Toà án nhân dân tối cao; Công văn số 148/2002/KHXX ngày 30/9/2002 của TANDTC. Bên cạnh đó còn nhiều tình tiết chưa được quy định trong pháp luật hình sự áp dụng tình tiết giảm nhẹ tránh nhiệm hình sự cho người phạm tội, chẳng hạn như việc gia đình bị cáo tự nguyện bồi

thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, phạm tội do nhất thời, bộc phát, phạm tội do phụ thuộc người khác, nể nang, không có tính chất vụ lợi, người phạm tội do bị người khác lôi kéo, rủ rê, tài sản phạm tội đã thu hồi được, người phạm tội do quá tin người khác và nghĩ rằng thực hiện hành vi đó là không bị phạm tội, người phạm tội tích cực vận động đồng bọn tự thú, người phạm tội đang có con nhỏ hoặc đông con, người phạm tội là người lao động chính trong gia đình.

Việc quy định và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS càng nhiều và phong phú đa dạng nhằm thể hiện chính sách khoan hồng và nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta, tạo điều kiện cho người phạm tội một lòng hướng thiện, ăn năn hối cải nhằm cải tạo, giáo dục trở thành người có ích cho xã hội, tạo điều kiện cho người phạm tội hiểu được những sai trái về hành vi của mình vừa gây ra hoặc trong quá khứ, mà vẫn đảm bảo được tính nghiêm minh của pháp luật.

Tuy nhiên việc không quy định cụ thể các tình tiết giảm nhẹ TNHS này trong các quy định của pháp luật hình sự dễ dẫn đến việc khá tùy tiện khi áp dụng trong các bản án hình sự, bộc lộ nhược điểm về tính không công bằng, bản án ban hành ra sức thuyết phục không cao, tính răn đe, ngăn ngừa và phòng chống tội phạm đạt hiệu quả có hạn, bởi lẽ có những bản án thì có áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS cho người phạm tội nhưng cũng có những bản án có bị cáo phạm tội và thỏa mãn điều kiện về tình tiết giảm nhẹ TNHS cũng tương tự đúng ra được áp dụng theo khoản 2 Điều 46 BLHS thì lại không được áp dụng.

Kết luận chương 2

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo Điều 46 BLHS năm 1999 có nội dung khác nhau, tính chất cũng khác nhau, do đó mức độ giảm nhẹ TNHS ở mỗi nhóm tình tiết cũng khác nhau. Căn cứ vào tính phổ biến và mức độ ảnh hưởng đến hình phạt thì các tình tiết giảm nhẹ TNHS được phân loại thành: các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 1 Điều 46 BLHS; các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 46 BLHS; các tình tiết giảm nhẹ khác do Tòa án quyết định áp dụng.

Đây là một điều luật thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo xuyên suốt trong pháp luật hình sự của Nhà nước Việt Nam, việc thể hiện đa dạng, phong phú điều luật cũng như mở rộng phạm vi điều kiện áp dụng tại khoản 2 Điều 46 BLHS nhằm thể hiện rõ mục đích pháp luật hình sự của Nhà nước ta là cải tạo, giáo dục, tạo điều kiện cho người phạm tội hướng thiện, trở thành người có ích cho xã hội, góp phần hiệu quả vào công cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Để vận dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo Điều 46 BLHS phải tuân thủ các nguyên tắc sau: các tình tiết giảm nhẹ đã được BLHS quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ trong khi quyết định hình phạt; xác định đúng và đủ các tình tiết giảm nhẹ TNHS; tình tiết giảm nhẹ của hành vi phạm tội nào chỉ được áp dụng với hành vi phạm tội đó; xác định đúng mức độ giảm nhẹ của các tình tiết giảm nhẹ.

Qua thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS trên địa bàn huyện Bù Đăng từ năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015 và 2016 bên cạnh mặt tích cực áp dụng phù hợp với các tình tiết giảm nhẹ TNHS nói chung thì vẫn còn những bất cập vướng mắc cần phải nghiên cứu, phân tích làm rõ hơn điều kiện để áp dụng các tình tiết theo Điều 46 BLHS, bởi còn có những hạn chế khi vận dụng như áp dụng không đúng về nội dung quy định của pháp luật hoặc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS nhưng việc áp dụng hình phạt chưa tương xứng, chưa phù hợp với tình tiết được giảm nhẹ hoặc không áp dụng tình tiết này. Để trách việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS có phần tùy tiện này thì cơ quan tố tụng phải xem xét toàn diện, cân nhắc thận trọng các tình tiết, quan hệ nhân thân, địa điểm, thời điểm các tình tiết áp dụng phải xác đáng và có căn cứ. Việc phải ghi rõ khi áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong bản án là điều bắt buộc nhằm tạo công bằng xã hội tạo tính thuyết phục cao khi ban hành một bản án mà Hội đồng xét xử nhân danh Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chương 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ CÁC GIẢI PHÁP KHÁC ĐẢM BẢO ÁP DỤNG HIỆU QUẢ CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN HUYỆN BÙ ĐĂNG

3.1. Nhu cầu, phương hướng hoàn thiện pháp luật đảm bảo hiệu quả áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Nghiên cứu từ đời sống pháp luật hình sự ở nước ta hiện nay nói chung và tại địa bàn huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước nói riêng, có thể nói trong quá trình tố tụng từ giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử, các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng vẫn còn một số sai lầm hoặc là đánh giá không đúng mức độ các điều kiện để áp dụng pháp luật hoặc là không dám mạnh dạn, nghĩa là không áp dụng điều khoản mà đúng ra phải được áp dụng trong bản án đối với người phạm tội khi họ có đủ điều kiện để được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Bởi các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 và khoản 2 tại Điều 46 BLHS là rất đa dạng, phong phú. Việc cụ thể hóa các điểm như ở khoản 1 Điều 46 BLHS là rất cần thiết, đối với việc áp dụng pháp luật được thống nhất, tạo giá trị công bằng và thuyết phục, cải tạo và giáo dục người phạm tội. Quy định theo khoản 2 Điều 46 BLHS là mở, vì vậy cần thêm các Nghị quyết hướng dẫn áp dụng ngoài các Nghị quyết đã có như Nghị quyết số 01/2000/NQ – HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng thẩm phán TANDTC; Nghị quyết số 01/2001/NQ – HĐTP ngày 15/03/2001 của Hội đồng thẩm phán TANDTC; Nghị quyết số 01/2006/NQ – HĐTP ngày 12/05/2006 của Hội đồng thẩm phán TANDTC; Nghị quyết số 01/2013/NQ – HĐTP ngày 06/11/2013 của TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 60 của BLHS về án treo và các hướng dẫn khác; Công văn số 148/2002/KHXX ngày 30/9/2002 của TANDTC hướng dẫn cụ thể nội dung tại Nghị quyết 01/2000/NQ – HĐTP ngày 01/8/2000 của Hội đồng thẩm phán TANDTC. Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 của TANDTC hướng dẫn một số vấn đề nghiệp vụ xét xử.

Nghị quyết số 08/NQ – TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác trong thời gian tới và Nghị quyết số 49/NQ – TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã chỉ ra những nhiệm vụ cần phải cải cách tư pháp, nêu ra những chủ trương cũng như theo nguyên tắc nhân đạo.

Tạo điều kiện cho người phạm tội phục thiện ý thức, hành vi sai trái, cải tạo giáo dục và nhanh chóng hòa nhập cộng đồng, trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội nhưng vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Thực tiễn xét xử cho thấy còn nhiều các tình tiết giảm nhẹ TNHS chưa có hướng dẫn áp dụng nhưng vẫn được áp dụng để giảm nhẹ TNHS cho người phạm tội. Do vậy việc áp dụng còn mang tính cảm tính không thể tránh khỏi tiêu cực, xem thường pháp luật, làm mất đi mục đích ban đầu của pháp luật là xử lý đúng người đúng tội, đúng pháp luật, gây ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm.

Với xu hướng hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng về mọi mặt của đời sống xã hội, việc tiếp cận với nền pháp luật của các nước khác cũng là hết sức cần thiết.

Từ những phân tích khái quát trên đây, có thể thấy nhu cầu hoàn thiện pháp luật hình sự nói chung, các tình tiết giảm nhẹ TNHS nói trong chuyên đề là vấn đề quan trọng và cấp thiết.

3.2. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Nghị quyết số 08/NQ – TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị nêu rõ: Khi xét xử phải đảm bảo cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, thực sự là dân chủ, khách quan; việc phán xét của Tòa án phải có sức thuyết phục. Thực hiện đường lối cải cách tư pháp của Đảng, các cơ quan tư pháp hình sự đã và đang tiến hành đồng loạt nhiều giải pháp mang tính đồng bộ, nhằm đạt được mục tiêu đề ra, song mục tiêu nổi bật và có tính thường xuyên phải kể đến là mỗi bản án, quyết định của Tòa án phải đảm bảo khách quan, công bằng và dân chủ. Muốn vậy việc làm đầu tiên có ý nghĩa quyết định để thực hiện được nguyên tắc công bằng, dân chủ là phải tiếp tục pháp luật hình sự.

Hiện nay, theo quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong BLHS năm 1999 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2009) là khá đầy đủ, rõ ràng, tạo thuận lợi khi áp dụng quyết định hình phạt được chính xác, tuy nhiên xuất phát từ những vấn đề vướng mắc khi áp dụng nên tác giả luận văn kiến nghị sửa đổi như sau:

Thứ nhất: Nên cụ thể hóa định nghĩa như thế nào là tình tiết giảm nhẹ TNHS hoặc đưa ra nội hàm của khái niệm tình tiết giảm nhẹ. Căn cứ vào đó ta có thể xác định một cách chính xác một tình tiết có phải là tình tiết giảm nhẹ TNHS không. Đồng thời các cơ quan chức năng cần ban hành các văn bản hướng dẫn, giải thích cụ thể, đầy đủ về các tình tiết giảm nhẹ TNHS nhằm thống nhất nhận thức cũng như áp dụng pháp luật trong thực tiễn.

Thứ hai: Đối với tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS nên quy định mở rộng phạm vi áp dụng đối với chủ thể đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả để người phạm tội được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS không chỉ là người phạm tội, gia đình của họ cần mở rộng thêm có thể là chủ sở hữu phương tiện gây ra thiệt hại, người đại diện cơ sở, tổ chức, cơ quan nơi người phạm tội làm việc, người thân thích đứng ra sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do tội phạm gây ra trước khi phiên tòa tương ứng được mở, là tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với người phạm tội. Nhìn từ góc độ pháp chế, công bằng và nhân đạo thì cần sửa đổi theo hướng ghi nhận cả những trường hợp mà người thân thích của người phạm tội đứng ra sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do tội phạm gây ra là tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với người phạm tội. Sự sửa đổi đó chẳng những đảm bảo tính thống nhất của việc áp dụng pháp luật hình sự, tính nhân đạo của luật hình sự đối với người phạm tội mà còn đảm bảo tính khả thi của Điều 42 BLHS về “trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi” trong thực tiễn xét xử. Hiện nay do chưa có quy định cụ thể các tình tiết này nên một số Thẩm phán khi xét xử áp dụng tình tiết này theo điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS, trong khi một số Thẩm phán khác khi xét xử lại áp dụng khoản 2 Điều 46 BLHS.

Thực tế rất khó xác định mức độ bồi thường, khắc phục hậu quả do người phạm tội gây ra ở tình tiết giảm nhẹ TNHS này. Tại Nghị quyết số 01/2001/NQ – HĐTP ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Hội đồng thẩm phán TANDTC chỉ hướng dẫn Điều 139 BLHS hướng dẫn người phạm tội phải bị xử phạt tử hình, nhưng người phạm tội đã bồi thường được một phần đáng kể giá trị tài sản bị chiếm đoạt (hoặc người thân thích, ruột thịt... của người phạm tội đã bồi thường thay cho người phạm tội), thì có thể không xử phạt tử hình người phạm tội và tùy vào số tiền đã bồi thường được mà có thể xử phạt người phạm tội tù chung thân hoặc tù có thời hạn. Được coi là đã bồi thường được một phần đáng kể giá trị tài sản bị chiếm đoạt nếu: Đã bồi thường được ít nhất một phần hai giá trị tài sản bị chiếm đoạt; Đã bồi thường được từ một phần ba đến dưới một phần hai giá trị tài sản bị chiếm đoạt, nếu có căn cứ chứng minh rằng người phạm tội (hoặc người thân thích, ruột thịt... của người phạm tội) đã thực hiện mọi biện pháp để bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt (đã bán hết nhà ở, tài sản có giá trị; cố gắng vay, mượn... đến mức tối đa) [4]. Nhưng đối với các tội khác thì chưa được hướng dẫn. Hiện nay các tội xâm phạm sở hữu tài sản chiếm khoảng trên 40% tổng số vụ án hình sự được đưa ra xét xử và phần lớn các vụ án đó người phạm tội ít nhiều có sự tự nguyện bồi thường thiệt hại. Nên cần hướng dẫn nếu đã tự nguyện bồi thường 1/2 thiệt hại, 1/3 thiệt hại hoặc đã bồi thường toàn bộ thiệt hại thì mức độ giảm nhẹ TNHS cho người phạm tội được áp dụng cho từng mức độ bồi thường như thế nào.

Thứ ba: Theo quy định tại Điều 47 BLHS thì khi có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS thì “Tòa án có thể quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật; trong trường hợp điều luật chỉ có một khung hình phạt hoặc khung hình phạt đó là khung hình phạt nhẹ nhất của điều luật, thì Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hoặc chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn”. Vậy nếu không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hoặc chỉ có một tình tiết giảm nhẹ TNHS ở khoản 1 Điều 46 BLHS nhưng lại có từ hai tình tiết giảm nhẹ mà tình tiết đó ở cả khoản 2 Điều 46

BLHS thì có được xem xét giảm nhẹ hình phạt không. Về nguyên tắc thì phải có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS, tuy nhiên khoản 2 Điều 46 BLHS cũng quy định “khi quyết định hình phạt, Tòa án còn có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ trong bản án”. Vậy Tòa án có được áp dụng Điều 47 BLHS khi có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS và những tình tiết được hướng dẫn cụ thể tại Nghị quyết 01/2000/NQ – HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng thẩm phán TANDTC. Từ những vướng mắc này nên chăng để tránh việc áp dụng thiếu thống nhất cơ quan chức năng nên sớm có văn bản hướng dẫn cụ thể hoặc sửa đổi quy định tại Điều 47 BLHS, xác định các tiêu chí nào để coi một tình tiết giảm nhẹ TNHS chưa được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS là tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 46 BLHS. Trên cơ sở cân nhắc giữa cái lợi và cái hại của những tình tiết được quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS mà nhà làm luật cần cơ cấu lại điều luật theo hướng lựa chọn những tình tiết có giá trị giảm nhẹ TNHS để quy định bổ sung vào khoản 1 Điều 46 BLHS, tránh sự tùy tiện trong thực tiễn xét xử.

Thứ tư: Cần sửa đổi dấu, câu từ ở một số quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) nhằm cụ thể hóa hơn các quy định để việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trong thực tế được hiệu quả, chính xác hơn. Đó là tại điểm a khoản 1 Điều 46 BLHS quy định “Người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm” cần sửa đổi thành “Người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm”. Tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS quy định “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả” cần sửa đổi thành “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả”. Tại điểm đ khoản 1 Điều 46 BLHS quy định “Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra” cần sửa đổi thành “Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra”. Tại điểm i khoản 1 Điều 46 BLHS quy định “Phạm tội vì bị người khác đe dọa, cưỡng bức” cần sửa đổi thành “Phạm tội vì bị người khác đe dọa hoặc cưỡng bức”. Tại điểm m khoản 1

Điều 46 BLHS quy định “Người phạm tội là người già” cần sửa đổi thành “Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên”. Tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS quy định “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” cần sửa đổi thành “Người phạm tội thành khẩn khai báo hoặc ăn năn hối cải”. Tại điểm q khoản 1 Điều 46 BLHS quy định “Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm” cần sửa đổi thành “Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện hoặc điều tra tội phạm”.

Theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 46 BLHS “Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác” thì có đến bốn tình tiết mà tình tiết nào cũng có thể độc lập nếu xét về giá trị, đôi khi cao hoặc rất cao hơn việc bồi thường khắc phục hậu quả.

Chẳng hạn: Người phạm tội có thành tích xuất sắc trong chiến đấu nghĩa là ngoài việc lập công hiến thân mình cho tổ quốc thì họ còn có những sáng kiến đem lại lợi ích vật chất to lớn trong các phát minh, huấn luyện hoặc trong công tác họ có những phát minh sáng chế khoa học đem lại lợi ích cho tổ chức, cho đơn vị, cho xã hội những giá trị rất lớn. Như vậy, khi họ có hai tình tiết này nhưng thực tiễn Tòa án chỉ áp dụng một tình tiết tại điểm s rõ ràng là không ổn. Do đó, tác giả luận văn kiến nghị tách ra chỉ quy định một tình tiết, các tình tiết còn lại hoặc độc lập hoặc thuộc khoản 2 Điều 46 BLHS và sẽ được cơ quan chức năng ra Nghị quyết cụ thể các tình tiết này để áp dụng được thống nhất trong ngành tổ tụng pháp luật hình sự.

Thứ năm: Cần thiết phải có Thông tư liên tịch hướng dẫn chung giữa ba ngành Công an, Viện kiểm sát và Tòa án để hướng dẫn việc thu thập các tài liệu chứng cứ, những thông tin liên quan đến việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS của người phạm tội. Từ đó đề cao trách nhiệm của các điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố người phạm tội vì nó liên quan trực tiếp đến việc áp dụng, thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt và vận dụng đường lối xét xử của Tòa án đối với người phạm tội. Như vậy thì Tòa án mới có đầy đủ các căn cứ pháp lý để áp dụng khi quyết định hình phạt, đồng thời cũng đảm bảo cho người phạm tội được hưởng đầy đủ những tình tiết giảm nhẹ mà họ được hưởng.

Thứ sáu: Cần bổ sung thêm những tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định vào khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 đó là: Phạm tội trong trường hợp vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội; Phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra; Người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng; Người phạm tội là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ, người có công với cách mạng.

Tóm lại, để các căn cứ, các tình tiết được quy định trong BLHS được áp dụng có hiệu quả, tránh xu hướng tùy tiện, giảm giá trị đấu tranh phòng, ngừa và chống tội phạm cần sửa đổi, bổ sung một tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 46 BLHS hiện hành.

3.3. Các giải pháp khác nhằm đảm bảo tính hiệu quả áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Bên cạnh việc hoàn thiện các quy định của pháp luật nói chung và quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS nói riêng, cũng như việc ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất là cần thiết thì để khắc phục những thiếu sót, áp dụng pháp luật thống nhất, đồng thuận cần phải nâng cao trình độ văn hóa, xã hội, nhận thức của những người tiến hành tố tụng, đặc biệt là đội ngũ thẩm phán và hội thẩm nhân dân. Cần phải hết sức quan tâm đến việc tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ các cơ quan tư pháp, đặc biệt là các Thẩm phán Tòa án một cách toàn diện.

Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, hội thảo các chuyên đề chuyên môn về công tác xét xử vụ án hình sự cho Thẩm phán, đặc biệt là đội ngũ hội thẩm nhân dân và cán bộ các phòng, ban giúp việc cho công tác xét xử như thư ký, thẩm tra viên. Từ đó, nâng cao hiệu quả xét xử, bảo đảm khi bản án tuyên đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, giảm nhẹ TNHS cho người có đủ điều kiện hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho những người tiến hành tố tụng hình sự, bao gồm Điều tra viên, Kiểm sát viên và cán bộ các phòng ban giúp việc nhằm nâng cao trình độ, nhạy bén trong điều tra, trong truy tố, tránh trường hợp chỉ điều

tra thu thập chứng cứ buộc tội mà quên hoặc xem nhẹ các chứng cứ, tình tiết gỡ tội, chứng cứ ngoại phạm hoặc các tình tiết giảm nhẹ TNHS khác, nhằm góp phần quan trọng vào việc chống oan sai.

Hàng năm, cần tăng cường công tác tổng kết thực tiễn xét xử, kiểm định các quy định của pháp luật hình sự về các tình tiết giảm nhẹ xem có phù hợp với thực tiễn hay không. Đây là một số giải pháp để kịp thời rút kinh nghiệm, tổng kết những vấn đề còn vướng mắc trong thực tiễn xét xử về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Thông qua tập huấn, hội thảo, tranh luận, giải đáp những vướng mắc sẽ giúp cho những người tiến hành tố tụng, đặc biệt là các Thẩm phán hiểu đúng hơn, đầy đủ hơn để từ đó áp dụng thống nhất nội dung các tình tiết giảm nhẹ TNHS, đồng thời qua đó phản ánh những vướng mắc trong quá trình áp dụng từng vụ án cụ thể, làm căn cứ để các cơ quan tiến hành tố tụng và các nhà làm luật nghiên cứu, đề nghị sửa đổi, bổ sung BLHS cho phù hợp với thực tiễn.

Cần có chính sách đãi ngộ phù hợp như lương, khen thưởng đối với cán bộ ngành Tòa án, đối với đội ngũ Hội thẩm nhân dân phải kịp thời để họ yên tâm công tác, động viên sự phấn đấu của từng cá nhân Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và của cả tập thể. Kết hợp trao đổi kinh nghiệm giữa các đơn vị của cơ quan tiến hành tố tụng, đặc biệt là Tòa án, cần tăng cường trao dồi đạo đức, nghề nghiệp, trách nhiệm của những người tiến hành tố tụng hình sự.

Hoàn thiện pháp luật về quy chế kỷ luật, xử lý trách nhiệm, bồi thường thiệt hại của cá nhân, tập thể trực tiếp tham gia quá trình điều tra, truy tố, xét xử khi xảy ra án oan sai hoặc án bị hủy, sửa do lỗi áp dụng pháp luật, từ đó, đảm bảo tinh thần liêm chính, chí công vô tư, dám chịu trách nhiệm, thái độ tự giác tu dưỡng đạo đức, trau dồi nâng cao nghiệp vụ.

Tăng cường thực hiện chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của Viện kiểm sát về công tác kiểm sát việc xét xử bên cạnh giữ quyền công tố còn thực hiện chức năng tranh tụng, chức năng kháng nghị khi thấy dấu hiệu chưa đúng của bản án, của quy trình tố tụng.

Tăng cường bồi dưỡng, đào tạo nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ làm công tác giám đốc kiểm tra án, kịp thời xem xét đối với các bản án có những dấu hiệu bất thường, những vụ án liên tục bị kêu oan, nhằm tránh tuyệt đối oan sai, kịp thời khắc phục, trách bỏ lọt tội phạm, tạo dựng lòng tin và sự đồng thuận của toàn xã hội đối với các cơ quan tố tụng, đặc biệt là với ngành Tòa án của nước ta. Tất cả vì những bản án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Kết luận chương 3

Trong phạm vi đề tài này, việc phân tích có định hướng từ thực tiễn nhu cầu hoàn thiện pháp luật và đưa ra một số giải pháp đảm bảo hiệu quả áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS, chỉ ra cơ bản các bất cập, vướng mắc trong quá trình áp dụng quy định của pháp luật. Từ đó có các kiến nghị và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao tính hiệu quả khi áp dụng pháp luật, tạo sự đồng bộ, thống nhất, tạo lòng tin cho mọi công dân, cho toàn xã hội đối với hệ thống pháp luật nói chung, đối với các cơ quan tiến hành tố tụng và đặc biệt đối với công tác xét xử của ngành Tòa án nói riêng. Lập lại trật tự kỷ cương, trật tự an toàn xã hội. Việc ban hành một bản án có sự thuyết phục rất cao là góp phần vào ổn định trật tự xã hội, góp phần vào việc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm có hiệu quả.

KẾT LUẬN

1. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại Điều 46 BLHS Việt Nam là một trong những căn cứ quan trọng để Tòa án áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội. Thể hiện rõ sự khoan hồng, tính chất nhân đạo của Đảng và Nhà nước đối với những người phạm tội; Từ đó, giúp họ có thể được hưởng những hình phạt thấp hơn, để họ sớm trở về với gia đình, hòa nhập cộng đồng, lao động, học tập, trở thành người có ích cho xã hội.

2. Thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS qua quá trình khảo sát nghiên cứu công tác xét xử mà cụ thể là các bản án hình sự tại Tòa án cho thấy các vấn đề hợp lý, các vấn đề bất hợp lý trong việc áp dụng pháp luật, những hạn chế, khó khăn khi áp dụng mà vướng mắc đó xuất phát từ quy định của pháp luật, từ phía cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hướng dẫn chưa kịp thời,... dẫn đến việc viện dẫn, áp dụng còn có sự tùy tiện bất cập, hạn chế tính nghiêm minh của pháp luật. Từ việc dẫn chiếu, phân tích các vướng mắc thực tiễn áp dụng pháp luật, tác giả đề tài đã đề xuất những kiến nghị và các giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo tính thống nhất hoàn thiện pháp luật, nâng cao chất lượng xét xử, góp phần xây dựng tài liệu tham khảo phục vụ cho công tác xét xử của ngành Tòa án nói riêng và hoạt động giải quyết vụ án hình sự của hệ thống các cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn huyện Bù Đăng nói chung, giữ vững niềm tin của xã hội vào hệ thống pháp luật của Nhà nước ta. Đứng trước thời điểm hội nhập quốc tế, đó vừa là thách thức nhưng cũng là cơ hội, điều kiện thuận lợi để chúng ta trao đổi, học hỏi và nghiên cứu nền tư pháp của các nước phát triển, nhằm hướng đến xây dựng hoàn thiện pháp luật nước nhà, chủ động vững vàng nền tảng pháp lý, chủ động trong xử lý các tình huống của đời sống xã hội mà pháp luật hình sự cần hướng đến và điều chỉnh, nhưng cốt lõi vẫn phải lấy giá trị của con người làm trung tâm, thể hiện tinh thần nhân đạo xuyên suốt trong pháp luật hình sự nước ta, bảo vệ vững chắc nền pháp chế ưu việt, pháp chế xã hội chủ nghĩa.

3. Trong khuôn khổ đề tài cũng như giới hạn về địa phương, thời gian nghiên cứu luận văn. Tác giả luận văn đã nghiên cứu những vấn đề lý luận, các quy định pháp luật, kết hợp với khảo sát thực tiễn. Tuy nhiên, kiến thức xã hội và kinh nghiệm thực tiễn là mệnh mông cho nên đề tài không tránh khỏi những hạn chế, tác giả rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của quý Thầy, quý Cô, những nhà nghiên cứu có cùng đề tài hoặc có thể khác đề tài nhưng có những hiểu biết nhất định về đề tài, để đề tài được hoàn thiện.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nội vụ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp (1990), *Thông tư liên ngành số 05 ngày 02/6/1990 về việc hướng dẫn thi hành chính sách đối với người phạm tội ra tự thú*, Hà Nội.
2. Bộ tư pháp (1994), *Bản dịch Bộ luật hình sự Nhật Bản*, Nxb Tư pháp Hà Nội.
3. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08/NQ – TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác trong thời gian tới*, Hà Nội.
4. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49/NQ – TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
5. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (1989), *Nghị quyết số 189/HĐTP ngày 19/4/1989 về việc “hướng dẫn bổ sung việc áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự”*, Hà Nội.
6. Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao (2000), *Nghị quyết số 01/2000/NQ - HĐTP ngày 01/8/2000 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần chung của Bộ luật hình sự năm 1999*, Hà Nội.
7. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết số 01/2006/NQ - HĐTP ngày 12/5/2006, hướng dẫn một số quy định của Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
8. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2013), *Nghị quyết số 01/2013/NQ - HĐTP ngày 06/11/2013 hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự về án treo*, Hà Nội.
9. Thủy Nguyên (2007), *áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự*, Tạp chí Tòa án (số 23), tr. 18 - 19.
10. Nguyễn Thị Ngọc Phương (2014), *“Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điều 46 Bộ luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sĩ luật học tại Học viện Khoa học xã hội.

11. Đinh Văn Quế (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999, phần chung*, Nxb thành phố Hồ Chí Minh.
12. Đinh Văn Quế (2009), *Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*, Nxb tổng hợp TP Hồ Chí Minh.
13. Đinh Văn Quế (2009), *Một số vấn đề áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt tù đối với người phạm tội*, Tạp chí Tòa án nhân dân (số 3), tr. 21 - 27.
14. Đinh Văn Quế (2009), *Một số vấn đề về phòng vệ chính đáng, vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng và những vướng mắc trong thực tiễn xét xử*, Tạp chí Tòa án nhân dân (số 17), tr. 17 - 24, tr. 27.
15. Đinh Văn Quế (2009), *Một số vấn đề về tình tiết giảm nhẹ Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*, Tạp chí Tòa án nhân dân (số 9), tr. 14 - 18.
16. Đinh Văn Quế (2010), *Một số vấn đề khi áp dụng tình tiết “Tự thú” và “Đầu thú”*, Tạp chí Tòa án nhân dân (số 2), tr. 24 - 29.
17. Bùi Kiến Quốc (2000), *Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự Việt Nam*. Tạp chí luật học (số 6), tr. 27 - 28.
18. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự năm*, Hà Nội.
19. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự năm*, Hà Nội.
20. Hồ Sỹ Sơn (2008), *Những hạn chế trong các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hướng khắc phục*, Tạp chí Tòa án nhân dân (số 16), tr. 21.
21. Hồ Sỹ Sơn (2014), *Giáo trình sau đại học luật hình sự phần chung*, Học viện khoa học xã hội.
22. Lê Thị Sơn (2007), *Đổi mới chính sách hình sự - định hướng cho việc hoàn thiện Bộ luật hình sự năm 1999*, Tạp chí luật học (số 08), tr. 21.
23. Trần Văn Sơn (1997), *Nhân thân người phạm tội một căn cứ để quyết định hình phạt*. Tạp chí luật học (số 1), tr. 41 - 43.

24. Đỗ Văn Tạo (2011), *Bàn về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự*, Tạp chí Tòa án nhân dân (số 10), tr. 23.
25. Tòa án nhân dân tối cao (2002), *Công văn số 148/2002/KHXX ngày 30/9/2002 về việc hướng dẫn cụ thể nội dung tại Nghị quyết 01/2000/NQ - HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao*.
26. Tòa án nhân dân tối cao (2002), *Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 về hướng dẫn một số vấn đề về nghiệp vụ xét xử*.
27. Tòa án nhân dân tối cao (2007 – 2009), *Quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao*, quyển III, Hà Nội – 2010.
28. Tòa án nhân dân tối cao (2012), *Tổng kết công tác năm 2012 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2013 của ngành Tòa án nhân dân*.
29. Trường Đại học luật Hà Nội (2005), *Giáo trình Luật hình sự tập 1*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
30. Trường Đại học luật thành phố Hồ Chí Minh (2012), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần chung*, Nxb Hồng Đức.
31. Trường Đại học luật thành phố Hồ Chí Minh (2013), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần các tội phạm*, Nxb Hồng Đức.
32. Đào Trí Úc (1993), *Mô hình lý luận về Bộ luật hình sự Việt Nam – Phần chung*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
33. Đào Trí Úc (2000), *Luật hình sự Việt Nam, Quyển 1*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
34. Trần Thị Quang Vinh (2005), *Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.
35. Trần Thị Vinh (2013), *Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điều 46 Bộ luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học tại trường Đại học luật thành phố Hồ Chí Minh.

36. Võ Hoàng Vĩnh (2015), *Các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh*, luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội.
37. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình sau đại học Luật hình sự phần chung*, Học viện Khoa học xã hội.